

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT – BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN
GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
MÃ CHỨNG KHOÁN: SSC

NĂM BÁO CÁO 2012

TP.HCM – THÁNG 4 NĂM 2013

MỤC LỤC

I. THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

II. SỨ MỆNH, TẦM NHÌN, CHIẾN LƯỢC, GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA CÔNG TY

III. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển:
6. Các rủi ro

IV. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

V. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- 1 Tình hình tài chính
2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

VI. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

VII. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

VIII. THÔNG TIN KHÁC

1. Hoạt động và đóng góp của SSC với xã hội :

2. Hoạt động đối ngoại với nhà đầu tư :

IX. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

I. THU NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý vị cổ đông !

Năm 2012 là một năm khó khăn của nền kinh tế Việt Nam; tốc độ tăng trưởng thấp, chỉ số giá tiêu dùng gia tăng, lãi suất ngân hàng... đều tăng cao gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tình hình thời tiết, khí hậu có nhiều diễn biến bất thường, làm thay đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ, ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất và cung ứng giống. Hàng tồn kho và công nợ gia tăng do thị trường giống, vật tư phân bón, nông dược thiếu khả năng thanh toán đã ảnh hưởng đến rất nhiều doanh nghiệp giống cây trồng.

Đối phó với tình hình khó khăn và bất lợi nói trên, HĐQT cùng với Ban Điều hành và toàn thể CBNV đã nỗ lực khắc phục mọi trở ngại để không ngừng thúc đẩy sự phát triển của Công ty.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ (SSC) là doanh thu thuần năm 2012 đạt **445,998 tỷ đồng**, tăng 17,68% so CK 11, đạt 92,74% KH 2012. Lợi nhuận trước thuế là 79,472 tỷ đồng, tăng 10,38% so CK 11. Lợi nhuận sau thuế là **67,206 tỷ đồng**, tăng 16,95% so CK 11 và đạt 100,68% so với KH 2012.

Kết quả hoạt động kinh doanh của toàn Công ty là doanh thu thuần năm 2012 đạt **459,169 tỷ đồng**, tăng 19,73% so CK 11, chỉ đạt 88,36% KH 2012 (giảm do loại trừ doanh thu hợp nhất); lợi nhuận trước thuế 80,255 tỷ đồng, tăng 10,42% so CK11, đạt 89,82% KH 2012. **Lợi nhuận sau thuế là 67,807 tỷ đồng**, tăng 16,22% so CK 11 và đạt **100,45%** so với KH 2012.

Như vậy, đối với toàn Công ty, mặc dù doanh thu thuần chưa đạt được kế hoạch do ĐHĐCD đề ra, nhưng doanh thu thuần, lợi nhuận trước thuế đều tăng trên 16% so với năm trước và đã hoàn thành cơ bản chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế.

Đồng thời với các kết quả khả quan của hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty cũng đã tiếp tục củng cố cơ sở vật chất và hoàn thiện công tác quản trị nhằm đảm bảo cho Công ty phát triển ổn định và bền vững trong tương lai:

- Công ty đã phát triển và mở rộng cơ sở vật chất thông qua:
 - Xúc tiến việc mua cơ sở nghiên cứu và sản xuất – chế biến hạt rau hiện đại của Công ty liên doanh Hạt giống Đông Tây với diện tích khuôn viên 26 ha tại Huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh để chuẩn bị thành lập công ty hạt giống rau hoa;
 - Mua lại văn phòng và nhà kho của Công ty Bông vải miền Trung tại khu công nghiệp Trảng Nhứt 2, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam để điều chỉnh địa điểm dự án nhà máy chế biến của CN Miền Trung phù hợp vùng nguyên liệu và tiết kiệm 40% chi phí đầu tư;

- Dự án đầu tư Công nghệ Sinh học đã đạt nhiều kết quả khả quan hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu và sản xuất.
- Công ty đã tăng cường mua sắm nâng cấp các thiết bị đóng gói tự động và đưa hệ thống sấy chế biến của Trại Lâm Hà vào hoạt động.
- Vận hành cơ cấu tổ chức mới, thành lập mới Phòng kinh doanh Hạt rau, Dự án lúa thuần, nâng cấp Văn phòng đại diện thành Chi nhánh công ty tại Cambodia.

Những thành quả nói trên có được là nhờ sự đóng góp công sức của toàn thể CBNV Công ty. Đồng thời, sự chỉ đạo, hỗ trợ và hợp tác có hiệu quả của Bộ NN & PTNT, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước, các nhà đầu tư, các ban ngành, đoàn thể, các đơn vị đối tác, các khách hàng, các nhà cung ứng, các cơ quan thông tin đại chúng và toàn thể các cổ đông cũng đã góp phần đáng kể cho sự phát triển ổn định của công ty trong năm qua. Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin chân thành cảm ơn toàn thể quý vị và tin tưởng rằng quý vị sẽ tiếp tục đóng góp, hỗ trợ và hợp tác với Công ty trong thời gian tới.

Bối cảnh kinh tế thế giới và đất nước, tình hình thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2013 vẫn còn không ít khó khăn. Tuy nhiên với nỗ lực của toàn thể CBNV Công ty, với sự tiếp tục đóng góp, hỗ trợ, hợp tác của quý vị, tôi tin rằng Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam sẽ không ngừng phát triển, xứng đáng là doanh nghiệp giống cây trồng hàng đầu, phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu của bà con nông dân, đem lại những thành quả tốt nhất đến quý vị cổ đông, đóng góp ngày càng nhiều hơn vào việc phát triển sản xuất nông nghiệp của đất nước.

Kính chúc toàn thể quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công

TP.HCM, ngày 26 tháng 4 năm 2013

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

II. SỨ MỆNH, TẦM NHÌN, CHIẾN LƯỢC, GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA CÔNG TY

1. Sứ mệnh :

Chọn tạo, sản xuất, cung ứng hạt giống tốt, cùng nhà nông làm giàu

2. Tầm nhìn đến 2015 :

Trở thành một trong ba công ty giống dẫn đầu tại Việt Nam

3. Triết lý kinh doanh:

- a. Đặt lợi ích nhà nông làm nền tảng cho sự phát triển;
- b. Tối đa hóa giá trị dài hạn Công ty;
- c. Tạo môi trường làm việc để cán bộ nhân viên phát triển và có thu nhập tương xứng;
- d. Lấy mức độ chuyên nghiệp và hiệu quả công việc làm tiêu chí đánh giá lãnh đạo và cán bộ nhân viên;
- e. Có trách nhiệm và chia sẻ thành công với cộng đồng.

4. Chiến lược Kinh doanh

- a. SSC là doanh nghiệp ngành giống cây trồng được tổ chức theo mô hình nghiên cứu chọn tạo giống – sản xuất – cung ứng hạt giống tiên tiến, đang tiếp cận và có thể vươn tới trình độ công nghệ hạt giống của thế giới.
- a. Các Trung tâm, Trạm và Trại nghiên cứu, chọn tạo và sản xuất giống được bố trí ở các vị trí chiến lược phù hợp đặc thù sinh thái Việt Nam, giúp chọn tạo, khảo nghiệm ra các chủng loại giống tốt của các loại cây trồng tự thụ phấn, thụ phấn tự do và ưu thế lai gồm bắp, lúa, đậu, rau và cỏ chăn nuôi ...phù hợp với đặc điểm sinh thái đa dạng của Việt Nam và khu vực.
- b. SSC luôn cam kết theo đuổi chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung ứng hạt giống tốt nhất để mang đến nhiều cơ hội tốt đẹp cho cuộc sống của nông dân, đại lý, cán bộ nhân viên, và lợi tức cao cho cổ đông.
- c. SSC đã và đang thiết lập mạng lưới đại lý cung ứng hạt giống rộng khắp, thuận tiện cho nhà nông ở các khu vực sản xuất nông nghiệp trọng điểm trên khắp Việt Nam đưa đến cho nhà nông các chủng loại giống phù hợp từng mùa vụ và nhiều vùng sinh thái và sẽ tiếp tục mở rộng mạng lưới cung ứng hạt giống sang thị trường Lào và Cambodia.

5. Bản sắc văn hóa :

Đổi mới – Minh bạch.

6. Thái độ đối với khách hàng và đối tác :

Chuyên nghiệp – Trung thực – Tận tụy – Hợp tác – Phát triển

7. Thái độ đối với công việc :

Trách nhiệm – Chủ động – Sáng tạo – Đam mê – Hiệu quả

8. Thái độ đối với đồng nghiệp :

Tôn trọng – Hợp tác – Tin cậy – Học hỏi – Tương trợ

9. Thái độ đối với cổ đông và nhà đầu tư :

Trung thành – Minh bạch

III. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM**
- Tên tiếng Anh : SOUTHERN SEED CORPORATION (viết tắt SSC)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 0302634683 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 24 tháng 06 năm 2002, thay đổi lần thứ 5, ngày 06/9/2011;
- Vốn điều lệ : 149.923.670.000 đồng
- Vốn chủ sở hữu (tính đến 31/12/2012) là 267.716.176.241 đồng
- Địa chỉ : 282 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Q. Tân Bình, TP.HCM
- Điện thoại : (08)3844.2414 Fax: (08)38442387
- Website : <http://ssc.com.vn>
- Mã cổ phiếu : SSC

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Đầu năm 1976, Công ty Giống cây trồng phía Nam được thành lập. Đến 1978, Công ty Giống cây trồng phía Nam được hợp nhất trở thành Chi nhánh I, rồi đổi thành Xí nghiệp Giống cây trồng I (trực thuộc Công ty Giống cây trồng TW) vào năm 1981. Đến năm 1989 Bộ Nông Nghiệp có quyết định chia tách và thành lập Công ty Giống cây trồng TW2 trực thuộc Bộ, và đến năm 1993 được đổi tên thành Công ty Giống cây trồng miền Nam.
- Năm 2002, thực hiện chủ trương của Nhà nước và được sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ theo Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 25/3/2002, Công ty được chuyển thành Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam (SSC) là doanh nghiệp ngành giống cây trồng đầu tiên của Việt Nam tiến hành cổ phần hoá, nhà nước nắm giữ 20% vốn điều lệ (60 tỷ đồng).
- Đến tháng 03/2005, cổ phiếu của Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam, mã chứng khoán là SSC, là doanh nghiệp của ngành Giống cây trồng Việt Nam đầu tiên đã được chính thức niêm yết tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh).

- Tháng 5/2007, Công ty đã phát hành 4.000.000 cổ phiếu thưởng để nâng vốn điều lệ của Công ty lên thành **100.000.000.000 đồng**.
- Tháng 11/2010, Công ty đã phát hành **4.499.427** cổ phiếu thưởng cho cổ đông và tháng 12/2010 đã phát hành **492.940** cổ phiếu bán giá ưu đãi cho HĐQT, BKS, CBNV để nâng vốn điều lệ của Công ty lên thành **149.923.670.000 đồng**
- Tháng 8/2012 Công ty được Công nhận là Doanh nghiệp Khoa học Công nghệ;
- Cơ sở vật chất và đơn vị trực thuộc:
 - ✚ Trụ sở văn phòng Công ty tại 282 Lê Văn Sỹ, phường 1, Quận Tân Bình, TP. Hồ chí Minh (diện tích 7.784 m²);
 - ✚ Trại Giống cây trồng **Cai Lậy** (H. Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang) thành lập năm 1983.
 - ✚ Trại Giống cây trồng **Cờ Đỏ** (xã Thạnh Phú, H. Cờ Đỏ, Tp. Cần Thơ), diện tích 336 ha, nhận bàn giao vào năm 1989.
 - ✚ Trại Giống cây trồng **Lâm Hà** (Lâm Đồng), diện tích 38 ha, thành lập năm 1991.
 - ✚ Trại Giống cây trồng **Tân Hiệp** (Bình Dương), diện tích 77 ha, thành lập năm 1993 và đến năm tháng 2/2009, được nâng cấp thành Trung tâm Nghiên cứu Giống cây trồng Miền Nam (SRC).
 - ✚ Nhà máy Chế biến hạt giống **Củ Chi** (TP.HCM), xây dựng năm 1995.
 - ✚ Chi nhánh **Hà Nội** (Quận Long Biên – Hà Nội), thành lập năm 1997.
 - ✚ Chi nhánh **Tây Nguyên** (TP. Buôn Ma Thuột – DakLak), xây dựng năm 2005.
 - ✚ Chi nhánh **Cambodia** (Phnom Penh), thành lập tháng 11/2012.
 - ✚ Nhà máy Chế biến Giống cây trồng **Hà Nội** (Khu CN Phố nổi A, Hưng Yên) thuộc Chi nhánh Hà Nội, xây dựng năm 2007.
 - ✚ Chi nhánh **miền Trung** (Cụm công nghiệp Trảng Nhứt, huyện Điện Bàn, Quảng Nam) xây dựng năm 2013 .
 - ✚ **Công ty con:**
 - a. **Công ty cổ phần Kinh doanh XNK Bắc Nghệ An (NNA):** (tiền thân là Xí nghiệp chế biến hàng xuất khẩu thuộc Công ty Giống cây trồng Nghệ An đã cổ phần hóa năm 2002). Tháng 12/2009, Công ty cổ phần Giống cây trồng Miền Nam đã đầu tư 4,20 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 70% VDL (6 tỷ đồng).
 - b. **Công ty cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam (SSE):** Ngày 01/6/2010, Công ty tách Xưởng Cơ khí Giống cây trồng thành công ty con là Công ty cổ phần Cơ Khí Giống cây trồng miền Nam (SSE), với số vốn đầu tư là 3.349.764.000 đồng, chiếm tỷ lệ 83,74 % trên tổng số vốn điều lệ của công ty con là 4 tỷ đồng.

Quan hệ hợp tác nghề nghiệp, quốc tế:

- Công ty là thành viên Hiệp hội Giống cây trồng Châu Á – Thái Bình Dương (APSA) từ 01/03/1995.
- Thành viên Hiệp hội Giống cây trồng Việt Nam (VSA) – năm 2002.
- Thành viên Câu lạc bộ các công ty niêm yết – năm 2004.
- Thành viên Hiệp hội Thương mại Giống cây trồng Việt Nam (VSTA) – tháng 10/2007.

Thành tích:

- 1980: Chủ tịch nước tặng thưởng **Huân chương Lao động Hạng 3** cho Công ty (Lúc đó SSC là đơn vị thành viên Công ty Giống cây trồng TW).
- 2001: Chủ tịch nước tặng thưởng **Huân chương Lao động Hạng 1** cho Công ty.
- 2005: Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu **Anh hùng Lao động** cho tập thể CBNV Công ty.
- Nhiều năm liền được Chính phủ, Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn **tặng cờ thi đua**.
- Giải thưởng **Bông Lúa vàng** Hội chợ NN Quốc tế Cần Thơ 5 năm liền (1998 – 2003) và tiếp đó là Giải thưởng **“Thương hiệu Bạn nhà nông Việt Nam”** 06 năm liền (2004 – 2010) do Bộ Công thương trao tặng.
- Được tặng cúp vàng **“Thương hiệu Chứng khoán Uy Tín & Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam”** năm 2008, 2009
- Danh hiệu **“Doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam – Lào – Cambodia”** năm 2009 do Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ công nhận.
- **Bằng khen** của UBND Thành phố Hồ Chí Minh năm 2010 đã có nhiều thành tích trong công tác sản xuất kinh doanh, tham gia đầu tư thị trường chứng khoán, góp phần tích cực trong hoạt động tài chính chứng khoán trên địa bàn TP.HCM nhân kỷ niệm 10 năm hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (2000– 2010);
- Là Doanh nghiệp tiêu biểu trong **Top 1.000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam** năm 2010 và 2011 do Tổng cục Thuế công bố;
- **Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tặng Cờ Thi đua** cho tập thể đã có thành tích xuất sắc trong công tác và sản xuất kinh doanh dẫn đầu phong trào thi đua năm 2010, 2011;
- Thủ tướng **Chính phủ tặng Cờ Thi đua** cho đơn vị có thành tích hoàn thành xuất sắc, toàn diện nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua của Bộ Nông nghiệp & PTNT;

- Năm 2011: Hiệp hội Thương mại Giống cây trồng Việt Nam bình chọn đạt danh hiệu **HẠT GIỐNG VÀNG VIỆT NAM** cấp 5 sao.

1. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh :

- Ngành nghề kinh doanh :

+ Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại;

+ Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, vật tư nông nghiệp;

+ Thiết kế, chế tạo, lắp đặt, xuất nhập khẩu các loại máy móc thiết bị;

+ Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật;

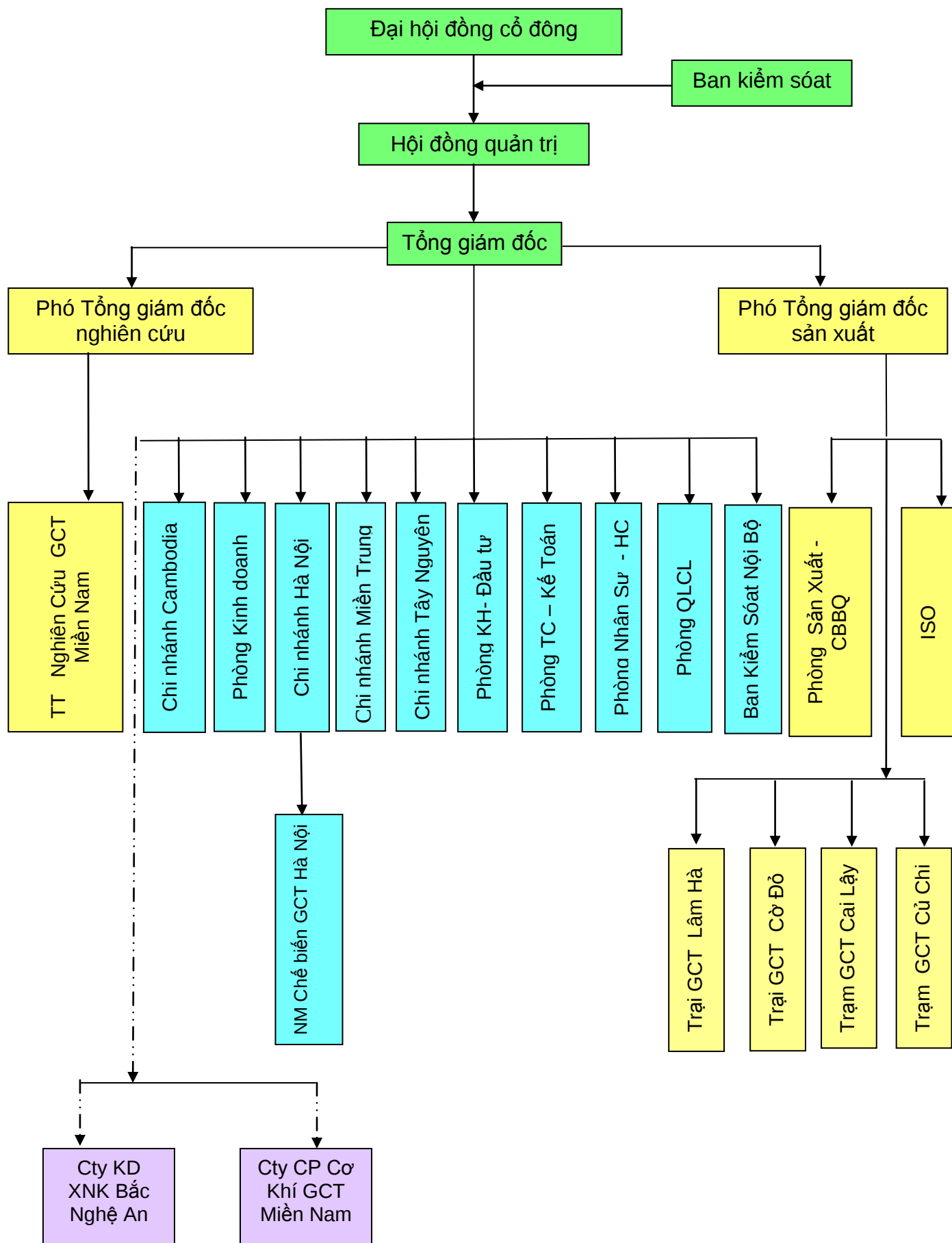
+ Kinh doanh bất động sản;

+ Hoạt động dịch vụ trồng trọt; kiểm nghiệm và chứng nhận chất lượng giống cây trồng nông nghiệp;

2. **Địa bàn Kinh doanh** : Việt Nam và các nước trong khu vực.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- **Mô hình quản trị - Cơ cấu bộ máy quản lý**



Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam được tổ chức và điều hành theo mô hình công ty cổ phần, tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản pháp luật hiện hành

✚ Tính đến ngày 25/3/2013, chưa có bất kỳ công ty nào nắm trên 50% vốn điều lệ của SSC.

- Công ty con có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do SSC nắm giữ:

1. Công ty CP KD XNK Bắc Nghệ An (NNA):

– Địa chỉ trụ sở chính: Xã Diễn Thịnh, Huyện Diên Châu, Tỉnh Nghệ An

– Điện thoại: 038.3862458 Fax: 038.3862015

- Ngành nghề kinh doanh chính:

- Mua bán hạt giống, vật tư nông nghiệp, nông sản,

Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng, công ty SSC sở hữu 70% vốn điều lệ.

– Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Quốc Doanh – Giám đốc

– Chủ tịch HĐQT : Ông Nguyễn Tiến Hiệp (từ 30/3//2013)

– Đại diện phần vốn SSC: 1. Ông Nguyễn Tiến Hiệp, đại diện 252.000 CP

2. Ông Trần Quốc Thạch, đại diện 168.000 CP

2. Công ty cổ phần Cơ khí Giồng cây trồng Miền Nam (SSE)

– Địa chỉ trụ sở chính: 282 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

– Điện thoại: 08.62.762.553 - Fax: 08.39.914.535

- Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp.
- Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị.
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.
- Xây dựng công nghiệp, xây dựng dân dụng.

Vốn điều lệ: 4.000.000.000 đồng công ty SSC sở hữu 83,74% vốn điều lệ.

– Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thế Ngọc – Giám đốc

– Chủ tịch HĐQT: Ông Hàng Phi Quang

– Đại diện phần vốn SSC : 1. Ông Hàng Phi Quang, đại diện: 204.000 CP

2. Ông Nguyễn Tiến Hiệp, đại diện 80.000 CP

3. Ông Lê Thế Ngọc, đại diện: 50.976 CP

5. Định hướng phát triển:

Các mục tiêu chủ yếu của công ty:

- Duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu hàng năm trên 20%, tăng trưởng lợi nhuận hàng năm trên 10%.
- Giữ thị phần trong nước: bắp lai trên 20%; lúa lai trên 10%, hạt giống rau 3%
- Từng bước phát triển thị trường lúa lai, hạt rau lai đạt hiệu quả kinh doanh cao qua việc chủ động tăng cường hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh.
- Đa dạng hoá mặt hàng và sản phẩm giống, vật tư nông nghiệp.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tăng cường nguồn nhân lực, cơ sở vật chất kỹ thuật cho công tác nghiên cứu, sản xuất và chế biến nhằm nâng cao chất lượng và đa dạng hoá chủng loại sản phẩm.
- Tăng cường hợp tác với các cơ quan nghiên cứu, Viện, Trường trong và ngoài nước về ứng dụng công nghệ sinh học, chọn tạo nguồn giống bố mẹ chất lượng cao để sản xuất trong nước.
- Tăng cường hợp tác trong sản xuất, kinh doanh bán hạt giống, duy trì và phát triển thị phần trong nước bằng tăng cường tiếp thị, trình diễn và bán hàng chuyên nghiệp, đồng thời mở rộng thị trường sang Lào và Campuchia, Miến Điện.
- Triển khai dự án **Tổ hợp Chung cư – Thương mại – Văn phòng Daewon – SSC** tại 282 Lê Văn Sỹ.
- Hợp tác phân phối độc quyền một số giống bắp lai, giống rau của công ty Dekalb thuộc tập đoàn Monsanto (USA) để tăng doanh thu và thị phần và sẽ tiến đến việc hợp tác sâu hơn trong lĩnh vực sản xuất và nghiên cứu;
- Thành lập công ty hạt giống rau trên cơ sở mua lại tài sản thanh lý của Công ty Liên doanh hạt giống Đông Tây để phát triển nhanh thị phần trong nước.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của công ty :

- Quy trình sản xuất sản phẩm hạt giống thân thiện với môi trường;
- Có trách nhiệm và chia sẻ thành công với cộng đồng

6. Các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty

1. Rủi ro về kinh tế:

- ☐ Tác động của AFTA đối với nông nghiệp Việt Nam: Cơ cấu nông nghiệp các nước ASEAN tương đồng; tuy nhiên trình độ công nghiệp hạt giống và chế biến bảo quản của

Việt Nam kém phát triển hơn. Do vậy sản phẩm hạt giống của Việt Nam gặp khó khăn khi cạnh tranh do yếu tố chất lượng và giá.

- Tác động khi gia nhập WTO: Nông nghiệp Việt Nam còn phát triển ở trình độ thấp: kết cấu hạ tầng yếu kém, năng suất lao động nông nghiệp thấp, chính sách ngành chưa hoàn chỉnh và ổn định, hệ thống luật pháp, tiêu chuẩn chất lượng chưa hoàn chỉnh, do vậy sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc đối phó các hàng rào kỹ thuật phi thuế quan ở các nước phát triển; Quy chế về bảo vệ sở hữu trí tuệ cũng là một vấn đề cần quan tâm khi sử dụng các nguồn vật liệu trong chọn tạo và sản xuất.
- Công nghệ nghiên cứu - sản xuất hạt giống của SSC nói riêng và Việt Nam nói chung vẫn còn lạc hậu trong khu vực về : nguồn nhân lực, ngân sách nghiên cứu, dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất hạt giống. Những thách thức lớn khi Chính phủ Việt Nam cho phép thử nghiệm và sản xuất đại trà cây trồng biến đổi gen (GMO) ở các nhóm sản phẩm : bắp, đậu nành, bông vải vào năm 2015 sẽ ảnh hưởng đến xu hướng sử dụng hạt giống GMO mà trình độ nghiên cứu của các công ty giống trong nước chưa giải quyết được.
- Các rủi ro trên cũng là cơ hội cho ngành giống Việt Nam tiếp cận được các thành tựu KHKT nhanh chóng với chi phí thấp và mở ra một thị trường lớn cho việc xuất khẩu nông sản ra toàn thế giới; cơ hội kêu gọi liên doanh, đầu tư ngành giống cây trồng; cũng như phát triển thị trường hạt giống ở các nước trong khu vực.

2. Rủi ro về thị trường:

- Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường rất gay gắt giữa các công ty giống trong và ngoài nước về chính sách kinh doanh, giá cả, thị phần, công nghệ hạt giống ảnh hưởng đến việc phát triển các loại sản phẩm hạt giống của công ty. Trong nước hiện có hơn 200 công ty sản xuất và phân phối hạt giống cây trồng, các công ty đa quốc gia (Monsanto , Sygenta, CP....) với tiềm lực mạnh về vốn và công nghệ, nhân lực và quản trị công ty sẽ là những đối thủ cạnh tranh hàng đầu và thực hiện chiến lược mua bán & sáp nhập các công ty giống trong thời gian tới. Bên cạnh đó các công ty hạt giống trong nước (NSC, TSC, AGPPS ...) cũng đang phát triển mạnh chia sẻ thị phần, gây áp lực giảm giá bán ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận.
- Chính sách trợ giá, bảo hộ sản xuất giống của một số địa phương ảnh hưởng đến yếu tố cạnh tranh bình đẳng do vậy tác động kiềm hãm khả năng phát triển thị trường của công ty.

- Campuchia và Lào. Miền Điện là thị trường tiềm năng lớn phát triển trong nhưng chi phí xúc tiến thương mại cao ảnh hưởng đến chi phí tài trợ hàng năm.

3. Rủi ro về luật pháp:

Hệ thống pháp luật của Việt Nam hiện nay thiếu tính ổn định và không nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành không đầy đủ, thiếu tính cập nhật, chồng chéo. Việc áp dụng pháp luật vào thực tế cuộc sống còn nhiều bất cập, tính thực thi không cao, do vậy sẽ ảnh hưởng đến công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn. Cụ thể là các chính sách về thay đổi cơ cấu, chuyển đổi giống cây trồng đã ảnh hưởng đến tâm lý của nông dân cũng như tác động gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc hoạch định chiến lược, chính sách kinh doanh, thiết lập mạng lưới phân phối sản phẩm và hệ thống bán hàng.

4. Rủi ro về tỷ giá:

Hiện nay Nhà nước đang áp dụng chính sách tỷ giá hối đoái thả nổi có kiểm soát và tình hình tăng trưởng ổn định nên đồng tiền Việt Nam sẽ ổn định trong thời gian dài, mặt khác chi phí thanh toán bằng ngoại tệ của công ty bao gồm trả tiền bản quyền, nhập khẩu hạt giống bố mẹ, lúa lai và vật tư nông nghiệp chiếm khoảng 10% doanh thu hàng năm, do vậy ảnh hưởng không lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

5. Rủi ro về tài chính:

- Rủi ro lãi suất tiền vay: Tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tài sản cao, hơn nữa với đặc điểm hạt giống là hàng hoá có hàm lượng chất xám cao, giá trị gia tăng lớn, tỷ suất lợi nhuận cao nên có thể chịu được các chi phí sử dụng vốn hợp lý theo giá thị trường kể cả những khi lãi suất vay tăng do lạm phát mà vẫn phát triển ổn định.
- Rủi ro lãi suất tiền gửi: Do có vùng nguyên liệu ổn định, có kế hoạch sử dụng vốn phù hợp nên vốn nhàn rỗi chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ có tính thời vụ, việc gửi tiền ngân hàng nhằm mang lại khoản thu tài chính bù đắp chi phí lãi vay phát sinh và đóng góp vào việc tăng lợi nhuận cho công ty.
- Rủi ro do lạm phát:
- Tỷ lệ giá thu mua hạt giống hiện nay so với giá nông sản cùng loại từ 1,8 đến 4 lần, ổn định trong thời gian khá dài, do vậy biến động giá nông sản tăng hoặc giá phân bón, thuốc sâu bệnh tăng tuy có ảnh hưởng chi phí đầu vào nhưng mức độ tác động giảm rất nhiều vì giá đầu ra của sản phẩm giống cũng tăng tương ứng.
- Hiện nay nguồn nhiên liệu, động lực chủ yếu sử dụng trong công ty là điện lưới dùng cho nhà máy sấy và chế biến (Công suất tải tiêu thụ hiện nay ít hơn 1.000 KVA) và chất

đốt là cùi bắp tận thu do vậy khả năng giá nhiên liệu, động lực nếu tăng đột biến ảnh hưởng cũng không đáng kể đến chi phí chế biến hạt giống.

- Hiện nay khả năng thanh toán nhanh của công ty lớn hơn một (>1), khả năng thanh toán nợ ngắn hạn cao (căn cứ Báo cáo tài chính năm 2012), do vậy rủi ro rất thấp trong thanh toán công nợ cho ngân sách, tổ chức tín dụng và khách hàng.
- Rủi ro về tài sản: Hàng năm Công ty đã mua bảo hiểm hỏa hoạn với công ty Bảo Minh bao gồm hàng hoá, kho, văn phòng công ty, máy móc thiết bị nhà máy tại Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đắk Lắk, Tiền Giang, Cần Thơ.
- Rủi ro về giá cổ phiếu – thanh khoản cổ phiếu: Thị giá chuyển nhượng cổ phiếu SSC trên sàn HOSE khoảng 34.000 đ/CP phản ánh giá trị và hiệu quả sản xuất kinh doanh của SSC, do tính chất ngành nông nghiệp nên ảnh hưởng của những tác động tự nhiên : thời tiết, dịch bệnh đến kết quả kinh doanh là không tránh khỏi, nhưng với kinh nghiệm hoạt động công ty trên 35 năm rủi ro này đã được kiểm soát chặt chẽ nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng nói trên và có sự tăng trưởng đều. Mặt khác tính thanh khoản của cổ phiếu SSC không cao do tỷ trọng khối lượng cổ phiếu đa phần thuộc sở hữu của SCIC, các nhà đầu tư chiến lược, cán bộ nhân viên SSC chiếm khoảng 90% ít giao dịch.
- Rủi ro về tín dụng:
- Số lượng đại lý trên 400 đơn vị do vậy vấn đề mất khả năng thanh toán chỉ chiếm tối đa tỷ lệ từ 0,2% - 0,3% doanh thu năm, nguyên nhân chủ yếu là do bị thất mùa nên nông dân không có khả năng trả nợ cho các công ty và đại lý khách hàng làm ảnh hưởng dây chuyền; hoặc nhà nước thay đổi chính sách trợ giá khiến cho Công ty giống và vật tư nông nghiệp các tỉnh gặp rủi ro dẫn đến nợ dây dưa khó đòi.
- Triển khai ứng trước chi phí và vật tư cho các hộ nông dân sản xuất sẽ góp phần giảm nhẹ gánh nặng lãi vay nóng của họ, tăng cường quan hệ mật thiết giữa Công ty và nhà cung ứng; Tuy nhiên khi xảy ra thời tiết khí hậu bất thường hoặc sự cố khách quan, năng suất và sản lượng thấp và nguy cơ nông dân không có khả năng trả nợ ngay; Biện pháp đối phó là triển khai vùng nguyên liệu ổn định vì nông dân có đủ kinh nghiệm ứng phó sự cố do đã sản xuất trong nhiều vụ trên cùng loại giống và khuyến khích nông tham gia mua bảo hiểm cây trồng.

IV. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Stt	Chỉ tiêu	TH2012	TH2011	KH 2012	So sánh (%)	
					TH12/TH11	TH12/KH
1	Doanh thu thuần	445,998	378,993	480,930	117.68%	92.74%
2	Giá vốn hàng bán	300,942	236,195	316,145	127.41%	95.19%
3	Lợi nhuận gộp	145,056	142,798	164,785	101.58%	88.03%
4	Lợi nhuận tài chính	(62)	(1,089)	1,000	5.69%	-6.20%
5	CP BH và QLDN (gồm quỹ PT KHCN)	65,642	69,635	81,341	94.27%	80.70%
6	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	79,352	72,074	84,444	110.10%	93.97%
7	Lợi nhuận khác	120	(76)	-	-158.72%	
8	Tổng lợi nhuận trước thuế	79,472	71,998	84,444	110.38%	94.11%
9	Chi phí thuế TNDN hiện hành	12,463	14,467	16,939	86.15%	73.58%
10	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	196	63	-	309.80%	#DIV/0!
11	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	67,205	57,468	67,505	116.94%	99.56%

Doanh thu thuần chỉ đạt 92,74% KH 2012, tăng 17,68% so cùng kỳ và lợi nhuận sau thuế đạt 99,56% KH 2012, tăng 16,94% so CK nhờ giảm chi phí bán hàng và quản lý, giảm, giảm thuế TNDN 2012.

2. Tổ chức và nhân sự

1. Tổng Giám đốc: Hàng Phi Quang, sinh năm 1959

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế, Cử nhân Kinh tế Ngoại thương; Cử nhân Luật Kinh doanh.

2. Phó Tổng Giám đốc: Nguyễn Hoàng Tuấn, sinh năm 1958

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Nông học.

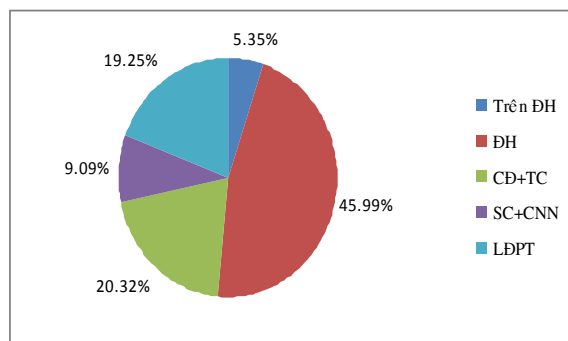
3. Phó Tổng Giám đốc: Dương Thành Tài, sinh năm 1956

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Lai tạo giống cây trồng;

Số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu của Ban TGD và KTT đến ngày 25/3/2013:

STT	Họ tên	Vị trí	Số lượng	Tỷ lệ
1	Hàng Phi Quang	TGD	94.587	0,63%
2	Nguyễn Hoàng Tuấn	P.TGD	100.818	0,67%
3	Dương Thành Tài	P.TGD	44.251	0,29%
4	Lê Tôn Hùng	KTT	11	0,00%

- Trong năm 2012 không có sự thay đổi các vị trí trong Ban Điều hành.
- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.
- Tổng số lao động đến 31/12/2012 là **374 người** Trong đó:
 - Trên đại học : 20 người, tỷ lệ 5%
 - Đại học : 172 người, tỷ lệ 46%
 - CĐ & T.cấp : 76 người, tỷ lệ 20%
 - Sơ cấp + CNN : 34 người, tỷ lệ 9%
 - LĐPT : 72 người, tỷ lệ 19%



3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

STT	Tên dự án đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Kế hoạch năm 2012		Thực hiện năm 2012	
			Triệu USD	Triệu đồng	Triệu USD	Triệu đồng
1	Trung tâm thương mại 282 Lê Văn sỹ	Văn phòng - Căn hộ cao cấp	2.00			
2	Trại GCT Cờ Đỏ					

				9,778.19		1,624.14
3	Trại GCT Lâm Hà			2,335.35		668.47
4	Trung tâm Nghiên cứu GCT Miền Nam (SRC)			5,344.48		648.50
5	Trạm GCT Củ Chi			2,736.17		1,698.47
6	Chi nhánh Tây Nguyên			360.00		123.80
7	Trạm GCT Cai Lậy			5,128.85		208.25
8	Chi nhánh Hà Nội			450.00		-
9	Chi nhánh Miền Trung			13,809.10		1,281.00
10	Trụ sở chính Công ty			3,700.00		1,269.43
	Tổng cộng	Triệu đồng		43,642.14		7,522.05
		Triệu USD	2.00		-	

Thực hiện chỉ đạt 17,23 % KH 2012, do các nguyên nhân sau:

- Dự án 282 Lê Văn Sỹ do tình hình kinh doanh bất động sản hiện nay không thuận lợi nên điều chỉnh thời điểm triển khai;
- Các hạng mục đầu tư phục vụ sản xuất như: nhà kho, sấy, chế biến của Cờ Đỏ & Chi nhánh miền Trung triển khai thực hiện trong đầu năm 2013. Riêng Nhà máy Trà Vinh đang trong quy hoạch và thiết kế mặt bằng;
- Nhà lưới Lâm Hà và SRC: chưa triển khai đầu tư do chưa chọn thiết kế phù hợp.

a) Các công ty con :

1. Công ty cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam (SSE)

TT	Chỉ tiêu	KH 2012	TH 2012	TH2012-KH	%2012/KH
1	Doanh thu thuần	8,000	5,077	2,309	63,46%
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	0,100	-2,578	-2,678	-2.578%

Năm 2012 doanh thu thuần đạt 5,07 tỷ đồng, bằng 63,46% so kế hoạch và bằng 78% so cùng kỳ năm trước. Kết quả lợi nhuận -2,57 tỷ đồng, đạt -2.578% so kế hoạch và lỗ tăng 55% so cùng kỳ năm trước .

Các nguyên nhân chính gây lỗ năm 2012 :

- Công tác hoạch định và lập kế hoạch SXKD vượt quá năng lực nội tại của nguồn lực công ty; tình hình chuyển biến nhận thức, nâng cao kỹ năng quản trị còn chậm. Năng lực sản xuất kinh doanh nhìn chung rất kém, sản lượng thấp, doanh thu thấp, không trang trải đủ chi phí cố định tăng cao.
- Hoạt động SXKD không ổn định, công tác lãnh đạo điều hành/kế toán quá yếu kém và thiếu sót; chưa khai thác và huy động sự tham gia của đội ngũ kỹ sư nghiên cứu để tạo ra sản phẩm mới mang tính đột phá, công tác quản trị và các kỹ năng bán hàng, tổ chức sản xuất, nghiên cứu, quản lý còn thiếu và yếu, sử dụng nhân lực chưa hiệu quả và hợp lý...
- Việc mất ổn định nhân sự điều hành và nhân sự quản lý trong năm cũng gây khó khăn không ít cho công tác ổn định tổ chức, vận hành bộ máy ổn định.
- Công tác bàn giao Giám đốc, Kế toán trưởng thiếu sự chặt chẽ;
- Công tác dự toán không đầy đủ, thiết kế lập dự toán kém, còn nhiều thiếu sót, chưa xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật cho từng thiết bị dẫn đến việc xác định giá bán chưa chính xác. Bị động trong việc đưa ra các giải pháp kỹ thuật trong sản xuất làm cho chi phí tăng cao.
- Việc quản lý tổ chức mua sắm vật tư không đúng thời điểm, không dự báo đúng diễn biến thị trường, nên không thực hiện việc dự trữ vật tư hợp lý dẫn đến trượt giá nguyên liệu; công tác khoán chi phí nhân công trực tiếp không hợp lý làm cho chi phí nhân công trên sản phẩm tăng cao.
- Công tác sản xuất và lắp đặt kéo dài phát sinh tăng chi phí, thiếu quan tâm và không có giải pháp khả thi trong thu hồi nợ làm thiếu hụt nguồn vốn. Trong năm qua công ty hết sức khó khăn trong việc xoay trở nguồn vốn sản xuất, riêng chi phí lãi vay bằng nguồn có ưu đãi của SSC khoảng 200 triệu .
- Chi phí thuê nhà xưởng, chi phí cố định khác, chi phí quản lý tăng cao mà doanh thu thấp không đủ bù đắp;
- Công tác tổ chức sản xuất, năng lực sản xuất kém, năng suất thấp;
- Bên cạnh đó là một khoản chi phí đầu tư không nhỏ cho công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới từ những năm trước không khả thi, gây thiệt hại phải phân bổ chi phí trong kỳ.

2. Công ty cổ phần Kinh doanh XNK Bắc Nghệ An (NNA)

TT	Chỉ tiêu	KH 2012	TH 2012	TH 2012- KH	%2012/KH
1	Doanh thu thuần	30,754	31,063	0,309	101,00%
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	0,419	0,257	-0,162	61,34

- Năm 2012 doanh thu thuần đạt 31 tỷ đồng, bằng 101,0% so kế hoạch là 30,7 tỷ đồng và bằng 135,4% so cùng kỳ năm trước là 22,9 tỷ đồng. Kết quả lợi nhuận 257 triệu đồng, chỉ đạt 61,3% so kế hoạch là 419 triệu đồng, tuy nhiên tăng 168 triệu đồng và bằng 288,8% so cùng kỳ năm trước là 89 triệu đồng.
- Bảng so sánh doanh thu và lợi nhuận của sản phẩm giống cây trồng so với tổng các sản phẩm:

CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	2011	2012
Tổng doanh thu thuần	Tỷ đồng	22,9	31,1
Doanh thu hạt giống	Tỷ đồng	19,1	29,5
Tỷ lệ DT giống/ Tổng DT	%	83,3%	95,0%
Tổng lãi gộp	Tỷ đồng	2,9	4,1
Lãi gộp hạt giống	Tỷ đồng	2,9	4,23
Tỷ lệ LG giống/ Tổng DT	%	100,0%	102,6%

- Bảng so sánh cho thấy việc tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận chủ yếu là ở sản giống cây trồng.
- Trong năm 2012, cơ cấu sản phẩm tập trung ở 2 nhóm là ngô lai và lúa lai. Trong đó, sản lượng ngô tiêu thụ được 294 tấn, doanh số 14,76 tỷ đồng nằm chủ yếu ở các sản phẩm C919, LVN10, các giống ngô nếp MX2-4-6; Sản lượng lúa lai tiêu thụ được 239 tấn, doanh số 11,96 tỷ đồng nằm chủ yếu ở các sản phẩm nhập khẩu gồm NU63, NU838, XH178; Các nhóm sản phẩm rau, đậu, VTNN cũng còn rất hạn chế trong cơ cấu doanh thu. Việc tăng trưởng doanh số nhóm lúa lai chủ yếu nguồn hàng nhập khẩu đã tạo sức tăng doanh thu nói chung nhưng hiệu quả lợi nhuận không cao như những sản phẩm có nguồn gốc do SSC sản

xuất, do năm vừa qua mặt hàng nhập khẩu này có rất nhiều đối thủ cạnh tranh cả về chủng loại và giá cả.

- Trong những năm tới, Công ty cần chú trọng hơn nữa trong việc SXKD giống cây trồng có nguồn gốc nội địa mà chủ lực là từ SSC để có thể tìm ra những vùng thị trường riêng độc quyền, giảm thiểu áp lực cạnh tranh, gia tăng lợi nhuận, nghiên cứu mở rộng thị trường sang Nam Lào và tích cực hơn trong công tác thu hồi nợ khách hàng, quan tâm đến các khoản nợ quá hạn.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	311.247.200.648	418.972.042.447	34,61%
Doanh thu thuần	378.992.970.176	445.998.730.103	17,68%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	72.074.182.641	79.352.043.848	10,10%
Lợi nhuận khác	-75.813.970	120.333.143	258,72%
Lợi nhuận trước thuế	71.998.368.671	79.472.376.991	10,38%
Lợi nhuận sau thuế	57.468.303.013	67.205.613.661	16,94%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20%	20%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2.92	2.32	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1.80	1.03	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	26,61%	36,47%	

+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	36,26%	57,40%	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	120 ngày	180 ngày	
<u>Giá vốn hàng bán</u>			
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	121,77 %	106,45%	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	15,16%	15,07%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	25,16%	25,25%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	18,46%	16,04%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	31,55%	29,81%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần :

- Vốn điều lệ: 149.923.670.000 đồng.
- Mã chứng khoán: SSC
- Sàn niêm yết: HOSE
- Ngày bắt đầu niêm yết: 01/03/2005
- Số lượng cổ phiếu niêm yết đến 25/03/2013: 14.992.367 cổ phiếu.
- Cổ phiếu thường: 14.992.367 cổ phiếu.
- Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu lưu hành đến 25/03/2013: 14.979.417 cổ phiếu.

Thông tin về cổ tức:

Công ty đã tiến hành chi trả cổ tức 2012 cho cổ đông như sau:

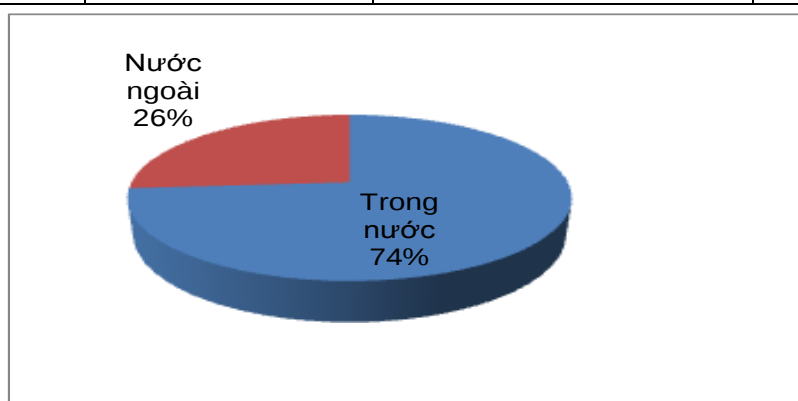
- Ngày 10/10/2012 thanh toán cổ tức đợt 01/2012: 10%/mệnh giá với số tiền là: 14.979.417.000 đồng
- Cổ tức đợt 02/2012 dự kiến sẽ thanh toán vào tháng 10/2013 : 10%/ mệnh giá với số tiền là: 14.979.417.000 đồng
- Tổng cộng cổ tức 2 đợt là 20% với số tiền là: **29.958.834.000** đồng đạt 100% kế hoạch 2012 đã được ĐHĐCĐ thường niên 2011 thông qua.

b. Cơ cấu cổ đông:

- Số lượng cổ đông đến ngày 25/3/2013: **1.017 cổ đông**.

Căn cứ vào danh sách cổ đông tại ngày 25/3/2013 do Trung tâm lưu ký CKVN Chi nhánh TP.HCM cung cấp, cơ cấu cổ đông của SSC như sau:

TT	Cổ đông	Số lượng	Tỷ lệ
1	Trong nước	11,063,150	73.86%
1.1	Cá nhân	3,061,865	20.44%
1.2	Tổ chức	8,001,285	53.42%
2	Nước ngoài	3,916,267	26.14%
2.1	Cá nhân	237,487	1.59%
2.2	Tổ chức	3,678,780	24.56%
	Tổng cộng	14,979,417	100%



- **Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần SSC đến ngày 25/3/2013:**

TT	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ
1	Tổng công ty Đầu tư và KD vốn Nhà Nước (SCIC)	2,784,000	18.59%
2	Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	2,306,070	15.39%
3	Công ty TNHH NDH Việt Nam	1,649,780	11.01%

4	VIETNAM HOLDING LIMITED	1,481,321	9.89%
5	PXP VIETNAM FUND LIMITED	1,130,753	7.55%

- Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước:

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước : Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) hiện đang sở hữu 2.784.000 CP (chiếm 18,57% vốn điều lệ công ty); Đại diện phần vốn nhà nước: ông Hàng Phi Quang – Chủ tịch HĐQT công ty SSC

C Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : không phát sinh

D Giao dịch cổ phiếu quỹ:

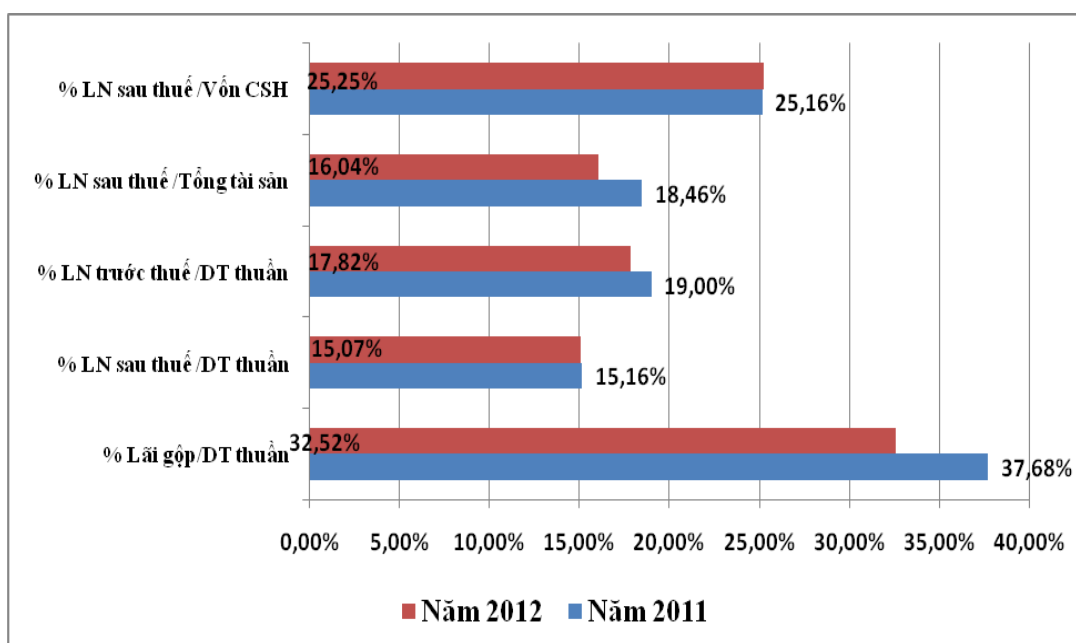
- Đang nắm giữ đến ngày 25/3/2013: 12.950 cổ phiếu chiếm tỷ lệ 0,08% vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phiếu bán trong năm qua phương thức giao dịch khớp lệnh từ 11/5/2012 – 12/9/2012 là :188.030 CP với giá trị giao dịch bình quân :33.510 đ/CP , Tổng giá trị giao dịch : 6.300.833.000 đ và thặng dư vốn : 1.480.418.828 đồng
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): Không có

V. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1.Báo cáo tình hình tài chính năm 2012

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán:
- + Khả năng sinh lời :

STT	Khả năng sinh lời	Năm 2011	Năm 2012	So sánh 2012/2011
1	% Lãi gộp/DT thuần	37,68%	32,52%	-5,15%
2	% LN sau thuế /DT thuần	15,16%	15,07%	-0,09%
3	% LN trước thuế /DT thuần	19,00%	17,82%	-1,18%
4	% LN sau thuế /Tổng tài sản	18,46%	16,04%	-2,42%
5	% LN sau thuế /Vốn CSH	25,16%	25,25%	0,09%



So với năm 2011 một số chỉ tiêu thể hiện khả năng sinh lời trong năm 2012 giảm do:

- Cơ cấu doanh thu thay đổi, trong đó doanh thu nhóm sản phẩm bắp Dekalb phân phối tăng; và riêng giống bắp nếp MX10 giảm nhẹ do cạnh tranh mạnh;
- Khối lượng lúa lai sản xuất không đạt kế hoạch làm cho lãi gộp lúa lai bị giảm;
- Doanh thu hạt giống rau không đạt mức kỳ vọng do thiếu chủng loại sản phẩm mới; một số sản phẩm không sản xuất đủ và cung ứng kịp thời;
- Mặc dù được hưởng ưu đãi giảm 30% thuế TNDN phải nộp trong năm 2011 & 2012 theo Thông tư số 154/2011/TT-BTC, ngày 11/11/2011 và Thông tư số 140/2012/TT-BTC, ngày 21/8/2012 của Bộ Tài chính nhưng do tình hình lạm phát nên chi phí vốn tăng đáng kể, ngoài ra chi phí nhiên liệu, vận chuyển và nhân công tăng dẫn đến tỷ lệ lợi nhuận sau/doanh thu giảm nhẹ.

Khả năng thanh toán

Chỉ số tài chính	Năm 2011	Năm 2012	Chênh lệch (+/-)
Tỷ số thanh toán hiện thời	3,67	2,73	-0,94
Tỷ số thanh toán nhanh (lần)	2,95	2,31	-0,64
Tỷ số thanh toán bằng tiền mặt	0,83	0,28	-0,55

So với năm 2011, khả năng thanh toán hiện thời và khả năng thanh toán nhanh năm 2012 giảm nhưng vẫn bảo đảm an toàn trong thanh toán; riêng tỷ số thanh toán bằng tiền mặt giảm thấp hơn 1, do giá trị hàng hóa tồn kho tăng (chủ yếu hàng bắp Dekalb nhập theo năm tài chính của đối tác chấm dứt 30/8 hàng năm; lúa thuần, đậu xanh tồn kho do thị trường nông sản tiêu thụ kém). Công nợ khách hàng tăng do tình hình khó khăn chung của thị trường và chính sách bán hàng sản phẩm của Dekalb kéo dài thời hạn thanh toán cho đại lý;

Chỉ tiêu	Năm đánh giá 2012	Tỷ Trọng	Năm trước 2011	Tỷ Trọng
Tài sản ngắn hạn	349.093.301.440	83,32%	237.567.240.277	76,33%
Tài sản dài hạn	69.878.741.007	16,68%	73.679.860.371	23,67%
Tổng cộng tài sản	418.972.042.447	100,00%	311.247.100.648	100,00%
Nợ phải trả	152.784.779.870	36,47%	82.827.925.321	26,61%
Vốn chủ sở hữu	266.187.262.577	63,53%	228.419.275.327	73,39%
Tổng cộng nguồn vốn	418.972.042.447	100,00%	311.247.200.648	100,00%

Cơ cấu nguồn vốn và tài sản thay đổi theo hướng tăng tỷ trọng tài sản ngắn hạn và giảm tỷ trọng tài sản dài hạn. Xu hướng thay đổi tỷ trọng của các khoản mục nguồn vốn nghiêng về sự gia tăng tỷ trọng của nợ phải trả.

+ Giá trị sổ sách của nguồn vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2012: **266.187.262.577 đồng**, tăng 17% so với cùng kỳ 2011, từ thặng dư vốn (cổ phiếu quỹ) và lợi nhuận phát sinh trong năm.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 (Công ty mẹ)

- Doanh thu thuần : 445,998 tỷ đồng
- Giá vốn hàng bán : 300,942 tỷ đồng
- Chi phí bán hàng và quản lý : 65,642 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 79,352 tỷ đồng
- Thuế TNDN : 12,463 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 67,206 tỷ đồng

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

➤ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tháng 8/2012 được Sở KH & CN Tp.HCM cấp giấy chứng nhận Doanh nghiệp KHCN;
- Tháng 8/2012 : Thành lập Dự án lúa thuần trực thuộc Trung tâm Nghiên cứu Giống cây trồng miền Nam để hợp tác chọn tạo và mua bán quyền các giống lúa thuần riêng.

- Tháng 11/2012 nâng cấp Văn phòng Đại diện Cambodia thành Chi nhánh với mục tiêu phát triển vùng thị trường tiềm năng.
- Tháng 01/2013 : Thành lập Phòng Kinh doanh hạt giống rau hoa.

➤ **Các biện pháp kiểm soát:**

- Bộ phận kiểm soát nội bộ đã triển khai công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên và định kỳ 6 tháng hoạt động điều hành của các đơn vị trực thuộc;
- Các phòng chức năng đã thực hiện thường xuyên công tác giám sát hoạt động ở các đơn vị cơ sở trực thuộc.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

4.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Căn cứ kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 và phân tích thị trường năm 2013, dự báo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 như sau

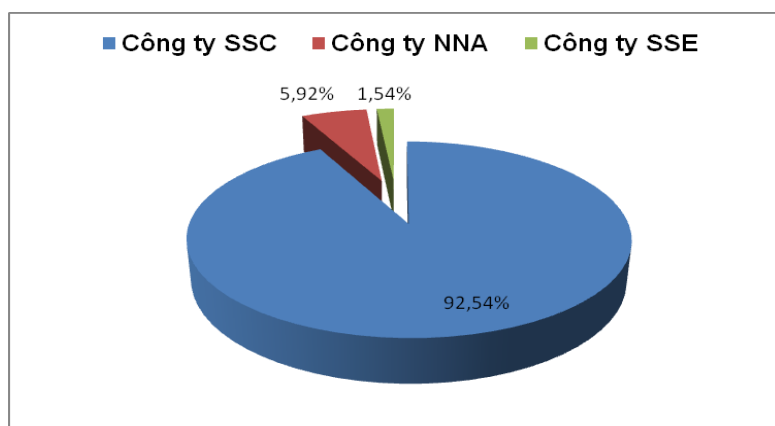
Tổng doanh thu thuần kế hoạch: 742,173 tỷ đồng, trong đó:

a. Phân theo từng công ty :

+ Công ty SSC : 697,992 tỷ đồng

+ Công ty NNA: 42,865 tỷ đồng

+ Công ty SSE : 1,316 tỷ đồng



b . Phân theo nhóm sản phẩm :

- Hạt giống: 699,737 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 94,28 %, trong đó:

➤ *Lúa các loại:* 217,643 tỷ đồng

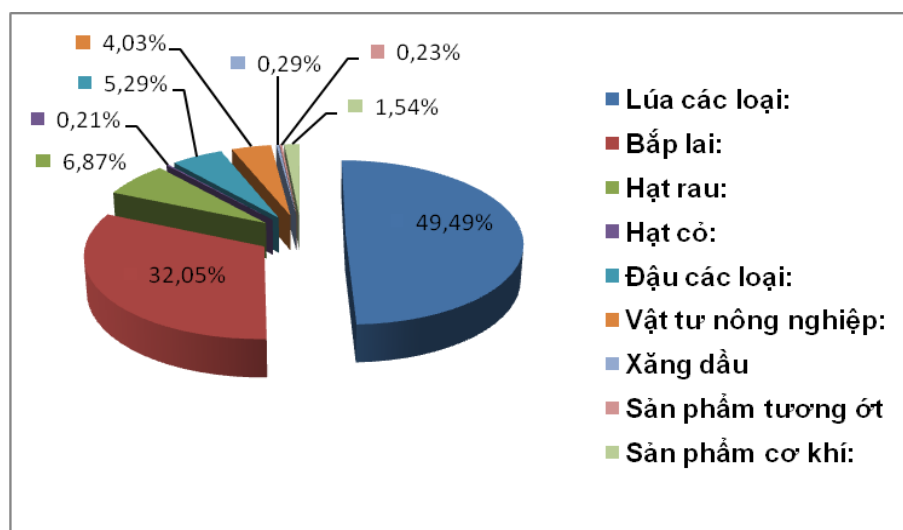
➤ *Bắp lai:* 419,146 tỷ đồng

➤ *Hạt rau:* 35,378 tỷ đồng

➤ *Hạt cỏ:* 1,680 tỷ đồng

➤ *Đậu các loại:* 25,890 tỷ đồng

- Vật tư nông nghiệp: 40,220 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 5,42 %
- Sản phẩm tương ớt : 0,9 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,12 %
- Sản phẩm cơ khí & xây lắp: 1,316 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,18 %



Các giải pháp thực hiện năm 2013: Trên cơ sở phân tích dự báo các yếu tố khách quan và chủ quan sẽ tác động đến việc thực hiện kế hoạch năm 2013, cần tập trung những vấn đề trọng tâm sau:

- Hoàn chỉnh chiến lược kinh doanh của công ty. Từng bước xây dựng các chiến lược chức năng và chiến lược của đơn vị bộ phận;
- Hoàn thiện chính sách nhân sự, tăng cường công tác tuyển dụng và đào tạo, áp dụng các chế độ khoán, thưởng một số đơn vị/bộ phận. Xây dựng tổng mức quỹ lương theo lợi nhuận trước thuế thực hiện thay vì theo doanh thu như trước đây, nhằm trả lương thưởng theo hiệu quả công việc đồng thời bảo đảm thực hiện chỉ tiêu lợi nhuận theo KH.
- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu chọn tạo, tăng cường công tác khảo nghiệm và đánh giá giống nhập nội/của các tổ chức cá nhân bên ngoài. Thúc đẩy tiến độ phóng thích và công nhận giống; củng cố công tác phát triển sản phẩm mới. Tập trung phát triển một số giống lúa, bắp nếp, hạt rau để dẫn đầu thị trường, chú ý chủng loại sản phẩm mới, chủ lực, có chất lượng, khả năng cạnh tranh cao. Thúc đẩy hoạt động phòng CNSH và ứng dụng hệ thống nhà lưới để hỗ trợ công tác chọn tạo giống.
- Tăng cường công tác marketing, phát triển sản phẩm mới, trình diễn hội thảo. Củng cố hệ thống đại lý, đẩy mạnh công tác bán hàng đối với các nhóm sản phẩm chủ lực của Công ty, đặc biệt quan tâm đến việc phát triển thị trường các tỉnh miền Bắc, Lào và Cambodia. Tăng

cường hợp tác phân phối hàng của Dekalb để gia tăng thị phần bắp giống; tăng cường hoạt động kinh doanh hạt giống rau hoa.

- Tổ chức, quy hoạch địa bàn sản xuất ổn định để nâng cao năng suất, chất lượng với giá thành sản phẩm cạnh tranh. Cải tiến công tác giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, tăng tính chủ động xây dựng kế hoạch của đơn vị và từng bước giao chỉ tiêu giá trị sản lượng và chi phí sản xuất cho các đơn vị trực thuộc.
- Tăng cường đầu tư công tác R & D từ nguồn lợi nhuận do ưu đãi đối với DNKHCN. Sử dụng hiệu quả, đồng bộ cơ sở vật chất kỹ thuật đã đầu tư, từng bước hiện đại hóa thiết bị. Xây dựng đề án NC-SX ứng dụng công nghệ cao tại cơ sở vật chất đã mua của Công ty Liên doanh Hạt giống Đông Tây.
- Tăng cường công tác quản lý tài chính, kiểm soát nội bộ, nâng cao chất lượng cán bộ lãnh đạo và công tác quản lý điều hành ở các cấp.
- Hoàn thiện và nâng cấp hệ thống quản trị thông tin toàn Công ty;

4.2 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2013:

KH lợi nhuận năm 2013 toàn công ty (bao gồm các công ty con):

- Doanh thu KH năm 2013: 742,173 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế KH: 97,170 tỷ đồng (*Trong đó lợi nhuận của công ty CP KD XKN Bắc Nghệ An : 501 triệu , của công ty CP cơ khí GCT Miền Nam : 465 triệu)*
- Lợi nhuận sau thuế KH: 91,104 tỷ đồng
- Cổ tức dự kiến: 37,480 tỷ đồng

Trong đó KK lợi nhuận năm 2013 của riêng công ty SSC:

- Doanh thu KH năm 2013: 697,992 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế KH: 97,134 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế KH: 91,068 tỷ đồng
- Cổ tức dự kiến (25% VDL): 37,480 tỷ đồng

4.3 Kế hoạch Đầu tư XDCB 2013

Vốn đầu tư XDCB thực hiện cho các dự án phân bổ trong năm 2013 là **53.728 triệu đồng** (*trong đó vốn đầu tư năm 2012 chuyển sang: 36.120 triệu đồng*); bao gồm các dự án đầu tư sau:

- **Chi nhánh Trại GCT Cờ Đỏ: 6.263 triệu đồng**, bao gồm các hạng mục chính: Nhà kho 1.800m², đường nội bộ, máy sảy đảo chiều, nạo vét kênh.
- **Chi nhánh Trại GCT Lâm Hà: 95 triệu đồng**, hạng mục máy làm đất, băng tải.

- **Chi nhánh Trung tâm Nghiên cứu GCT Miền Nam (SRC): 958,5 triệu đồng**, bao gồm các hạng mục chính: Thiết bị làm đất, san phẳng ruộng, Nhà lưới.
- **Chi nhánh Trạm GCT Củ Chi: 1.003 triệu đồng**, bao gồm các hạng mục chính: hệ thống sậy-chế biến, hệ thống băng tải, cân xe.
- **Chi nhánh Trạm GCT Cai Lậy: 5.047,1 triệu đồng**, xây dựng Nhà máy CBHG tại xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh (nhà kho và sậy, thiết bị sậy và chế biến).
- **Chi nhánh Hà Nội: 1.301 triệu đồng**, bao gồm: lắp tấm chống nóng mái nhà máy, thiết bị đóng gói tự động.
- **Chi nhánh Miền Trung: 4.843 triệu đồng**, mua lại cơ sở vật chất của công ty Bông vải miền trung tại KCN Trảng Nhứt, xã Điện Hoà, Huyện Điện Bàn, Quảng Nam.
- **Hội sở Công ty: 34.207,5 triệu đồng**, gồm mua cơ sở vật chất của công ty liên doanh Hạt giống Đông Tây (East West); bản quyền giống, Thiết bị chế biến.

VI. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Năm 2012 là một năm có nhiều sự kiện của SSC, Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011 theo đúng quy định Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, ngày 27/4/2012 đã thông qua việc giảm tỷ lệ thành viên HĐQT từ 7 xuống còn 5 thành viên (*bầu bổ sung 2 thành viên mới, độc lập bên ngoài*) và bầu bổ sung 01 thành viên Ban Kiểm soát theo đề xuất của các cổ đông lớn để tăng cường công tác quản trị và kiểm soát hoạt động Công ty;

Số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu của HĐQT đến ngày 25/3/2013.

TT	Họ tên	Chức danh	Số lượng	Tỷ lệ
1	Hàng Phi Quang	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc	94.587	0,63%
2	Nguyễn Thanh Tùng	Phó Chủ tịch không điều hành	0	0%
3	Nguyễn Tiến Hiệp	Thành viên kiêm Giám đốc Tài chính	4.129	0,02%
4	Quốc Hồ Đình Tuấn	Thành viên không điều hành	0	0%
5	Nguyễn Quốc Vọng	Thành viên độc lập	2.456	0,01%

Tỷ lệ thành viên độc lập: 1/5.

✓ Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

○ Tiểu Ban Chính sách Phát triển

- Ông Nguyễn Quốc Vọng - UV. HĐQT Trưởng Tiểu ban
- Ông Hàng Phi Quang - Chủ tịch HĐQT Thành viên

- Tiểu Ban Kiểm toán Nội bộ
 - Ông Quốc Hồ Đình Tuấn - Ủy viên HĐQT Trưởng Tiểu ban
 - Ông Nguyễn Thanh Tùng - PCT. HĐQT Thành viên
- Tiểu Ban Nhân sự - Lương thưởng
 - Ông Nguyễn Thanh Tùng - PCT HĐQT Trưởng Tiểu ban
 - Nguyễn Tiến Hiệp - Ủy viên HĐQT Thành viên

Hội đồng quản trị đã hoạt động đúng quy định của pháp luật và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Năm 2012 đã tổ chức 10 phiên họp, lấy ý kiến bằng văn bản 2 lần để ban hành nghị quyết nhằm cụ thể hóa Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2012 của Đại hội đồng cổ đông;

Hội đồng quản trị mới đi vào hoạt động thảo luận việc điều chỉnh chiến lược công ty giai đoạn còn lại của nhiệm kỳ 2010-2014, đề ra các chủ trương đúng đắn cho công ty hoạt động đúng hướng và có hiệu quả, thực sự là cơ quan quản lý công ty, thực hiện tốt chức năng giám sát, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc trong quá trình thực hiện.

1. Các nghị quyết quan trọng của Hội đồng quản trị :

Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT, ngày 12/6/2012, HĐQT đã phân công nhiệm vụ rõ ràng đến từng thành viên trên cơ sở bổ nhiệm 3 trưởng tiểu ban: Tiểu ban Chính sách Lương thưởng, Tiểu ban Kiểm toán Nội bộ và Tiểu ban Nhân sự Lương thưởng. Thực hiện đầy đủ quy định về báo cáo quản trị Công ty.

- Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT, ngày 31/8/2012 v/v thông qua Điều lệ hoạt động của Quỹ Phát triển Khoa học Công nghệ làm cơ sở để trích Quỹ Phát triển Khoa học Công nghệ trước thuế TNDN đối với các sản phẩm công nghệ;
- Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT, ngày 31/8/2012 phê duyệt nhân sự Hội đồng cố vấn thuộc Hội đồng quản trị, gồm các thành viên.

- | | |
|--------------------------------------|-----------------------------|
| 1. Kỹ sư Ngô Văn Giáo | - Chủ tịch |
| 2. Giáo sư -Tiến sỹ Nguyễn Quốc Vọng | - Phó Chủ tịch |
| 3. Thạc sỹ Võ Đắc Khôi | - Ủy viên thường trực |
| 4. Giáo sư - Tiến sỹ Trần Khắc Thi | - Ủy viên không thường trực |
| 5. Giáo sư - Tiến sỹ Ngô Hữu Tình | - Ủy viên không thường trực |

- Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT, ngày 21/11/2012 của Hội đồng quản trị thông qua chủ trương mua tài sản thanh lý & phê duyệt giá mua tài sản thanh lý của Công ty Liên doanh hạt giống Đông Tây. Mục tiêu đầu tư tăng cường cơ sở vật chất tiên tiến phục vụ công tác nghiên cứu, sản xuất, chế biến bảo quản hạt giống rau.
 - Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT, ngày 12/12/2012 thông qua chủ trương mua tài sản thanh lý của Công ty bông vải miền Trung tại Khu Công nghiệp Trảng Nhặt 2, huyện Điện Bàn. Mục tiêu điều chỉnh dự án đầu tư Nhà máy Chế biến tại Cụm Công nghiệp Hà Lam Chợ Được, huyện Thăng Bình, Quảng Nam để nâng cao năng lực sản xuất, chế biến hạt giống của Công ty tại khu vực miền Trung.
2. Thù lao Hội đồng quản trị chi trả thực hiện theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông, ngày 27/4/2012 đã đề ra. Mức chi trả thù lao bình quân 7.000.000 đ/tháng với mỗi thành viên.
 3. HĐQT đã thực hiện việc giám sát hàng quý, sáu tháng đối với Tổng Giám đốc điều hành. Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong năm qua luôn tuân thủ, chấp hành thực hiện tốt Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết của HĐQT, Điều lệ công ty và các quy định pháp luật hiện hành.
 4. Sự phối hợp giữa HĐQT và BKS năm 2012 đạt yêu cầu, trong năm 2013 cần tăng cường hơn nữa công tác phối hợp, giám sát;

B/ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2012

Các chỉ tiêu tăng trưởng về quy mô của công ty CP Giống cây trồng Miền Nam (Công ty mẹ)

TT	Các Chỉ Tiêu	ĐVT	Kế hoạch	TH 2012	CK 2011	TH/KH (%)	TH/CK (%)
1	Doanh thu	Tỷ đồng	480.929	445.998	378.992	92.74%	117.68%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	66.755	67.206	57.468	100.68%	116.95%
3	Tổng Tài Sản	Tỷ đồng		418.972	311.248		134.61%
4	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng		266.187	228.419		116.53%
5	EPS	đồng		4.487	3.836		116.95%

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ XDCB, MUA SẴM THIẾT BỊ, SỬA CHỮA LỚN NĂM 2012

STT	Tên dự án đầu tư	Kế hoạch năm 2012		Thực hiện năm 2012	
		Triệu USD	Triệu đồng	Triệu USD	Triệu đồng
1	Trung tâm thương mại 282 Lê Văn sỹ	2.00			
2	Trại GCT Cờ Đỏ		9,778.19		1,624.14
3	Trại GCT Lâm Hà		2,335.35		668.47
4	Trung tâm Nghiên cứu GCT Miền Nam (SRC)		5,344.48		648.50
5	Trạm GCT Củ Chi		2,736.17		1,698.47
6	Chi nhánh Tây Nguyên		360.00		123.80
7	Trạm GCT Cai Lậy		5,128.85		208.25
8	Chi nhánh Hà Nội		450.00		-
9	Chi nhánh Miền Trung		13,809.10		1,281.00
10	Trụ sở chính Công ty		3,700.00		1,269.43
	Tổng cộng	2.00	43,642.14		7,522.05

Thực hiện chỉ đạt 17,23 % KH 2012, do các nguyên nhân sau:

- Dự án 282 Lê Văn Sỹ do tình hình kinh doanh bất động sản hiện nay không thuận lợi nên điều chỉnh thời điểm triển khai;
- Các hạng mục đầu tư phục vụ sản xuất như: nhà kho, sấy, chế biến của Cờ Đỏ & Chi nhánh miền Trung triển khai thực hiện trong đầu năm 2013. Riêng Nhà máy Trà Vinh đang trong quy hoạch và thiết kế mặt bằng;
- Nhà lưới Lâm Hà và SRC: chưa triển khai đầu tư do chưa chọn thiết kế phù hợp.

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trong năm 2012, mặc dù trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam còn khó khăn, nhưng HĐQT đã lãnh đạo công ty hoàn thành các mục tiêu cơ bản theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra, duy trì tốc độ tăng trưởng, cơ sở vật chất và quy mô hoạt động của công ty không ngừng được mở rộng. Vị thế của công ty ngày càng được củng cố, gia tăng giá trị tài sản, hoạt động hiệu quả và đảm bảo lợi ích cho nhà đầu tư. HĐQT triển khai thực hiện đầy đủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ, công tác quản trị công ty đang được hoàn thiện theo hướng minh bạch và chuyên nghiệp; thực hiện giám sát hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc trong việc thực thi Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT, quy chế quản lý nội bộ công ty và tuân thủ thực hiện các quy định của Pháp luật hiện hành.

PHẦN 2

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH, ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2013

MỤC TIÊU KINH DOANH NĂM 2013

1. Hoàn chỉnh chiến lược kinh doanh của công ty. Từng bước xây dựng các chiến lược chức năng và chiến lược của đơn vị. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu chọn tạo, tăng cường công tác khảo nghiệm và đánh giá giống nhập nội/của các tổ chức cá nhân bên ngoài. Tập trung phát triển một số giống lúa, bắp nếp, hạt rau để dẫn đầu thị trường, chú ý chủng loại sản phẩm chủ lực mới có chất lượng, có khả năng cạnh tranh. Thúc đẩy hoạt động Phòng Công nghệ Sinh học và ứng dụng hệ thống nhà lưới để hỗ trợ công tác chọn tạo giống.
2. Đánh giá công tác sử dụng nguồn nhân lực và hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức phù hợp với yêu cầu phát triển đến năm 2020. Cải tiến, thay đổi chính sách tiền lương gắn liền với lợi nhuận hoặc hiệu quả công việc;
3. Tập trung phát triển các dự án nghiên cứu, sản xuất kinh doanh hạt rau hoa trên cơ sở tài sản đã đầu tư. Sử dụng hiệu quả, đồng bộ cơ sở vật chất kỹ thuật, từng bước hiện đại hóa thiết bị. Khai thác hiệu quả tài sản cơ sở Công ty Bông vải miền Trung và tài sản của Công ty Liên doanh Hạt Giống Đông Tây;
4. Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, kiểm toán nội bộ, nâng cao chất lượng cán bộ lãnh đạo và công tác quản lý điều hành ở các cấp;
5. Mục tiêu cụ thể 2013 :

a. Công ty mẹ :

STT	Nội dung	ĐVT	Mục tiêu 2013
1	Doanh thu	Tỷ	697,992
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ	91,068

3	ROE	%	29,00
4	ROA	%	21,00
5	EPS	Đồng	6.074
6	Cổ tức bằng tiền mặt	%	25

(Ghi chú : dự kiến năm 2013 được ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với DNKHCN)

b. Toàn công ty (bao gồm các công ty con):

Doanh thu KH năm 2013: 742,173 tỷ đồng

- Lợi nhuận trước thuế KH: 97,170 tỷ đồng (Trong đó lợi nhuận của công ty CP KD XKN Bắc Nghệ An : 0,501 tỷ , của công ty CP cơ khí GCT Miền Nam : - 0,465 tỷ)
- Lợi nhuận sau thuế KH: 91,104 tỷ đồng
- Cổ tức dự kiến: 37,480 tỷ đồng

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2013

(ĐVT : triệu đồng)

STT	Tên dự án đầu tư	Đầu tư năm 2013	Nguồn vốn đầu tư
1	Trại GCT Cờ Đỏ	6,263.47	Vốn chủ sở hữu
2	Trại GCT Lâm Hà	95.00	Vốn chủ sở hữu
3	Trung tâm Nghiên cứu GCT Miền Nam (SRC)	958.50	Vốn chủ sở hữu
4	Trạm GCT Củ Chi	1,003.00	Vốn chủ sở hữu
5	Trạm GCT Cai Lậy	5,047.10	Vốn chủ sở hữu
6	Chi nhánh Hà Nội	1,310.00	Vốn chủ sở hữu
7	Chi nhánh Miền Trung	4,843.00	Vốn chủ sở hữu
8	Trụ sở chính Công ty	34,207.50	Vốn chủ sở hữu
	Tổng cộng	53,727.57	

Tổng vốn đầu tư năm 2013 là **53,727 tỷ đồng** nhằm hình thành cơ sở vật chất để phục vụ dự

án sản xuất kinh doanh hạt giống rau hoa, Nhà máy chế biến hạt giống miền Trung, Cờ Đỏ, Trà Vinh và mua bản quyền giống kinh doanh. HĐQT và Tổng Giám đốc sẽ triển khai thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty, các quy định hiện hành của nhà nước về đầu tư xây dựng, đảm bảo sử dụng vốn đúng mục đích, hiệu quả.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Xây dựng Phương án tái cấu trúc công ty về tất cả các mặt: chiến lược nghiên cứu, kinh doanh, tài chính, nhân sự... theo hướng khai thác chuỗi giá trị gia tăng, mở rộng quy mô công ty;
2. Tăng cường hoạt động của Hội đồng cố vấn tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc hoạch định chiến lược và quản trị công ty;
3. Hoàn thiện hệ thống quy chế quản trị nội bộ công ty, quản trị rủi ro, quan hệ nhà đầu tư (IR);
4. Cải tiến, xây dựng chế độ lương thưởng theo hướng trả lương theo chất lượng công việc và khuyến khích thu hút nhân tài, đào tạo bồi dưỡng cán bộ kế cận, đáp ứng yêu cầu nhân lực của công ty phát triển bền vững trong tương lai;
5. Củng cố tăng cường công tác quản lý, kiểm soát công ty con hiệu quả.
6. Nâng cấp quản trị hệ thống thông tin toàn Công ty;

VII- HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- Thành lập Hội đồng cố vấn và Ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng cố vấn;
- Thông qua Điều lệ hoạt động của Quỹ Phát triển Khoa học Công nghệ;
- Nâng cấp văn phòng đại diện Cambodia thành Chi nhánh;
- Thành lập Phòng Kinh doanh hạt rau;

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

a. Tiểu Ban Chính sách Phát triển :

- Thảo luận về kế hoạch SXKD của SSC, Công ty cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bắc Nghệ An, Công ty cổ phần Cơ khí (*Công ty con của SSC*);
- Thảo luận định hướng chiến lược phát triển SXKD của Công ty 2012 -2014;
- Thảo luận việc SCIC bán toàn bộ cổ phần sở hữu tại SSC;
- Thảo luận Dự án xây dựng Chi nhánh Miền Trung địa điểm Cụm Công nghiệp Hà Lam – Chợ Đước, xã Bình Đào, huyện Thăng Bình, Quảng Nam;
- Thảo luận xúc tiến thủ tục Đăng ký doanh nghiệp khoa học công nghệ (để hưởng ưu đãi thuế TNDN);

- Thảo luận các vấn đề liên quan đến thủ tục đầu tư Dự án 282 Lê Văn Sỹ; sửa đổi bổ sung hợp đồng liên doanh và điều lệ Công ty liên doanh;
- Thảo luận đề xuất mua tài sản thanh lý của Công ty Liên doanh hạt Giống Đông Tây; mua tài sản bán thanh lý đầu giá của Công ty cổ phần Bông vải miền Trung;
- Thảo luận định hướng xử lý đối với Công ty Cơ khí;

b. Tiểu Ban Kiểm toán Nội bộ :

- Thảo luận lựa chọn Công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012;
- Thảo luận xử lý thiệt hại sản xuất lúa lai tại Hậu Giang, Quảng Nam;
- Thảo luận đơn giá tiền lương năm 2012; Đơn giá tiền lương năm 2013;

c. Tiểu Ban Nhân sự - Lương thưởng :

- Thảo luận việc đề xuất ĐHĐCĐ giảm số thành viên HĐQT từ 7 xuống còn 5 người;
- Thảo luận việc đề xuất ĐHĐCĐ thường niên 2011 thành lập Hội đồng cố vấn cho HĐQT;
- Thảo luận việc phân công lại cơ cấu các Tiểu ban, nhiệm vụ từng thành viên;
- Đề cử thay đổi người đại diện phần vốn của SSC tại Công Bắc Nghệ An; Đề cử thành viên HĐQT của SSC vào Công ty Cơ khí;
- Thảo luận vấn đề bổ nhiệm nhân sự quản lý thuộc thẩm quyền của HĐQT : Giám đốc Chi nhánh Cambodia, Giám đốc Quản lý Chất lượng, Giám đốc Phòng Kinh doanh hạt rau;
- Xây dựng Điều lệ hoạt động của Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ, Quy định công bố thông tin theo Thông tư 52/2012/TT-BTC, ngày 05/4/2012;
- Thảo luận việc thành lập Hội đồng cố vấn (HĐCV), phê chuẩn các chức danh của HĐCV, ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng cố vấn; thù lao chi trả cho HĐCV;
- **Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.**

1. Nguyễn Tiến Hiệp - chứng chỉ đào tạo Quản trị công ty và cơ chế kiểm soát số 05525/2012/PACE-CC do PACE & IFC cấp ngày 23/5/2012

Hoạt động của Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu của BKS đến ngày 27/3/2013:

STT	Họ tên	Vị trí	Số lượng	Tỷ lệ
1	Nguyễn Hoàng Công	Trưởng BKS	5.616	0,03%

2	Nguyễn Đức Minh	Thành viên	0	0
3	Lê Quang Hồng	Thành viên	6.526	0,04%

Ban Kiểm soát thực hiện công tác kiểm soát theo điều lệ Công ty, kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh tại VP, Chi nhánh, trạm trại, trên cơ sở hồ sơ tài liệu chứng từ, thông qua Biên bản làm việc BKS đưa ý kiến về những việc làm được và chưa làm được, kiến nghị gửi đến HĐQT, Ban Điều hành Cty, nhằm tăng cường công tác quản trị và có định hướng điều chỉnh công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh được tốt hơn.

Cụ thể;

- Kiểm soát báo cáo tài chính hàng quý, năm 2012.
- Kiểm soát quá trình thực hiện kế hoạch SXKD, kế hoạch Đầu tư XDCB.
- Kiểm soát việc thực hiện các qui định, qui chế hoạt động của Công ty.
- Kiểm soát việc chấp hành chính sách theo qui định của pháp luật đối với công ty Đại chúng niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

Trong năm 2012 BKS tổ chức 08 kỳ họp nhằm đưa ra phương hướng, phân công công tác nhiệm vụ của từng thành viên, đề ra kế hoạch, nội dung kiểm soát cho từng đơn vị của SSC (VP, Chi nhánh, Trạm trại), cụ thể các nội dung kiểm soát được tổng hợp theo chủ đề nhóm như sau:

1. Kiểm soát Báo cáo tài chính năm 2012:

- Công ty thực hiện lập báo cáo tài chính hàng quý, năm, công bố thông tin báo cáo tài chính theo đúng qui định của pháp luật.
- Báo cáo tài chính được lập và đã được đơn vị kiểm toán kiểm và xác nhận theo đúng qui trình.

Báo cáo tài chính năm 2012 hạch toán trung thực phản ánh đầy đủ về kết quả hoạt động kinh doanh, về nguồn vốn, tài sản, báo cáo luân chuyển tiền tệ rõ ràng phù hợp với chuẩn mực kế toán hiện hành.

- Về công tác quản lý tài chính.
 - Công ty hạch toán kế toán theo các chuẩn mực kế toán hiện hành.
 - Sổ sách kế toán, chứng từ hạch toán và lưu giữ đúng qui định của chế độ kế toán đã ban hành.

- Công tác kiểm kê tiền mặt tồn quỹ, kiểm kê hàng hóa, nguyên liệu, thành phẩm theo kỳ báo cáo thực hiện nghiêm túc, phản ánh kịp thời công tác quản trị điều hành, số liệu kiểm thực tế phù hợp số thể hiện trên sổ sách kế toán.
- Công tác theo dõi khoản nợ phải thu, phải trả thực hiện thường xuyên định kỳ hàng tháng, quý, có lập bản đối chiếu công nợ tránh tồn thất rủi ro tài chính.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước.

Ban Kiểm soát thống nhất báo cáo và thư kiểm toán của đơn vị kiểm toán E&Y.

2. Về kiểm soát Kế hoạch đầu tư:

Thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ năm 2011 Công ty đã triển khai công tác đầu tư xây dựng cơ bản mua sắm trang thiết bị phục vụ SX – KD với các Trạm/Trại/Chi nhánh cụ thể:

+ Đầu tư sửa chữa nhà kho Trại Cai Lậy.

Tổng vốn đầu tư thực hiện trong năm 2012 là 7,5 tỷ đồng, đạt 17% so với kế hoạch.

3. Kiểm soát thực hiện Nghị quyết Đại hội Cổ Đông, Nghị quyết, quyết định của Hội Đồng quản trị.

Nghị quyết ĐHCĐ năm 2011 được HĐQT triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung đại hội đã thông qua;

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT đã thể hiện mục tiêu phát triển mà Đại hội Đồng cổ đông đã đề ra. Ban Điều Hành đã thực hiện gần như đầy đủ các Nghị quyết của HĐQT. Tuy nhiên, Nghị Quyết số 07/NQ-HĐQT điều 7 : Vấn đề nhân sự quản lý cấp trung vẫn chưa được Ban Điều Hành thực hiện quyết liệt.

4. Kiểm soát thực hiện Nghị quyết Đại hội Cổ Đông, Nghị quyết, quyết định của Hội Đồng quản trị.

Nghị quyết ĐHCĐ năm 2011 được HĐQT triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung đại hội đã thông qua với kết quả hoạt động SXKD hầu hết các chỉ tiêu trọng yếu đều thực hiện hoàn thành

5. Kiểm soát việc chấp hành pháp luật, điều lệ Công ty:

- Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách pháp luật của Nhà nước, chấp hành chính sách nghĩa vụ thuế đầy đủ.
- Hạch toán kế toán theo chuẩn mực kế toán hiện hành.
- Thực hiện nghĩa vụ đối với công ty Đại chúng niêm yết, công bố thông tin kịp thời đầy đủ.

- Kết quả hoạt động kinh doanh và số liệu đã được kiểm toán chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp lý.

6. Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát, Hội Đồng quản trị, Ban Điều hành:

Trên tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác, Ban kiểm soát luôn chú trọng trao đổi, phối hợp đóng góp, kiến nghị đến HĐQT, Ban điều hành thông qua các biên bản kiểm soát các Chi nhánh, Trạm trại, Phòng ban về những vấn đề trong quản lý điều hành, sản xuất kinh doanh, các chính sách phát triển thị trường, đầu tư xây dựng cơ bản, chính sách nhân sự quản lý.

Qua công tác kiểm soát hoạt động tại SSC năm 2012, BKS có những kiến nghị sau:

1. Đề nghị Ban Giám Đốc quyết liệt hơn trong việc tái cấu trúc nhân sự, xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ kế thừa, tạo cơ chế chính sách đãi ngộ cạnh tranh để ổn định và thu hút nhân lực trình độ cao cho mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.
2. Cần tăng cường hơn nữa công tác kinh doanh, đặc biệt là khả năng dự báo thị trường, xây dựng kế hoạch kinh doanh và khả năng phối hợp giữa phòng kinh doanh – sản xuất – chế biến – nghiên cứu
3. Tăng cường phối hợp giữa công tác kinh doanh và công tác nghiên cứu để phát triển các loại sản phẩm chủ lực có tính cạnh tranh cao trên thị trường
4. Ban TGD cần có sự chỉ đạo sát sao hơn nữa đối với công tác kiểm soát nội bộ nhằm đưa kiểm soát nội bộ của công ty hoạt động hiệu quả hơn, chuẩn hóa quy trình các phòng ban và công tác quản trị điều hành tại các Trạm, Trại và Chi nhánh.
5. Công tác đầu tư XD CB thực hiện khá chậm so với kế hoạch, đề nghị Ban Giám Đốc có những điều chỉnh cần thiết đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư.
6. Hội đồng quản trị, Ban Điều hành SSC cần tăng cường công tác quản lý đưa ra những giải pháp mạnh mẽ nhằm đưa hoạt động SX-KD của các công ty con phát triển theo như định hướng khi mua cổ phần chi phối, nhất là Cty XNK Bắc Nghệ An.
7. Sớm có biện pháp thúc đẩy dự án liên doanh 282 Lê Văn Sỹ với đối tác Deawon triển khai đi vào hoạt động.
8. Sớm hoàn tất thủ tục pháp lý chuyển nhượng đối với 40,878 ha đất An Nhơn Tây – Củ chi nhằm triển khai xây dựng nhà máy chế biến hạt giống (công văn 6502/UBND ngày 15/ 12/ 2012 của UBND TP-HCM, chấp thuận dự án đầu tư) .

Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Hệ số T01-04	Hệ số T05- 07	Thời gian làm việc	Thù lao phân bổ cho các TV theo thời gian làm việc	TC-TU- 2012	Thù lao các TV còn nhận (bao gồm thuế TNCN)	Thù lao còn nhận
C	D	E	F	(12)		(10)	(2)	(5)=(3)-(4)
Hàng Phi Quang	CTHĐQT	1,3	2,0	12 tháng Làm việc	186.934.000	129.600.000	57.334.000	38.640.600
Ngô Văn Giáo	CTHĐQT	2,0	-	04 tháng Làm việc	62.032.000	43.200.000	18.832.000	12.628.800
Nguyễn Hoàng Tuấn	UVHĐQT	1,0	-	04 tháng Làm việc	30.900.000	21.600.000	9.300.000	6.210.000
Phạm Quang Dương	UVHĐQT	1,0	-	04 tháng Làm việc	30.900.000	21.600.000	9.300.000	6.210.000
Nguyễn Thanh Tùng	PCTHĐQT/TTB	-	1,4	08 tháng Làm việc	102.781.000	71.200.000	31.581.000	21.302.900
Nguyễn Quốc Vọng	UVHĐQT/TTB	1,0	1,2	12 tháng Làm việc	118.998.000	83.200.000	35.798.000	23.898.200
Võ Đắc Khối	UVHĐQT	1,2	-	04 tháng Làm việc	37.100.000	26.000.000	11.100.000	7.390.000
Quốc Hồ Đình Tuấn	UVHĐQT/TTB	-	1,2	08 tháng Làm việc	88.098.000	61.600.000	26.498.000	17.688.200
Nguyễn Hoàng Công	TBKS	0,9	0,9	12 tháng Làm việc	93.873.000	65.200.000	28.673.000	19.285.700
Đinh Văn Bích	UVBKS	0,7	-	04 tháng Làm việc	21.700.000	15.200.000	6.500.000	4.330.000
Nguyễn Đức Minh	UVBKS	-	0,7	08 tháng Làm việc	51.390.000	36.000.000	15.390.000	10.251.000
Tổng Cộng					1.002.111.000	698,400,000	303,711,000	

Thành viên không kiêm nhiệm 513.940.000

Thành viên kiêm nhiệm 488.171.000

Tổng cộng 1.002.111.000

Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm:

STT	Họ tên	Số cổ phần sở hữu đến 25/3/12	Số cổ phần sở hữu đến 25/3/13	Số cổ phần thay đổi (+/-)
	<u>Hội đồng quản trị:</u>	<u>101.172</u>	<u>101.172</u>	
1	Hàng Phi Quang	94.587	94.587	
2	Nguyễn Tiến Hiệp	4.129	4.129	
3	Nguyễn Quốc Vọng	2.456	2.456	
4	Quốc Hồ Đình Tuấn	0	0	
5	Nguyễn Thanh Tùng	0	0	
	<u>Ban kiểm soát:</u>	<u>12.141</u>	<u>12.141</u>	
1	Nguyễn Hoàng Công	5.616	5.616	
2	Lê Quang Hồng	6.526	6.526	
3	Nguyễn Đức Minh	0	0	
	<u>Ban Tổng Giám đốc</u>	<u>174.499</u>	<u>145.069</u>	<u>- 29.430</u>
1	Nguyễn Hoàng Tuấn	130.248	100.818	- 29.430
2	Dương Thành Tài	44.251	44.251	0%

k. Số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu của cổ đông có liên quan đến cổ đông nội bộ đến ngày 25/3/2013:

STT	Họ tên	Quan hệ	Số lượng	Tỷ lệ
3	Hàng Nhật Quang	Em – Chủ tịch HĐQT	16.240	0,10%

VIII. THÔNG TIN KHÁC:

1. Hoạt động và đóng góp của SSC với xã hội:

Hoạt động từ thiện: Tổng số tiền: **103.000.000 đồng**, Đóng góp cho các hoạt động xã hội: Xây nhà tình nghĩa ở huyện Củ Chi và quyên góp cho Hội chữ Thập Đỏ, tài trợ học sinh nghèo các tỉnh Đồng bằng miền Tây Nam Bộ

2. Hoạt động quan hệ với nhà đầu tư (IR):

- Cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin về hoạt động của công ty đến các nhà đầu tư qua website của công ty và HOSE, UBCKNN;

- Định kỳ phân tích hoạt động của công ty do các công ty chứng khoán FPTS, BVSC thực hiện ít nhất 1 lần trong năm;
- Tiếp xúc trao đổi với các nhà đầu tư:
 - + Quỹ Đầu tư Frontaura, Dempsey Hill, JP Morgan, Duxton, Routone (Mỹ), Lion Global, Terra Partners, (Singapore), AOL (Nhật), VNH, Probus (Thụy sĩ)
 - + Các công ty Chứng khoán, SSI, BVSC, HSC, Kim Eng, Bản Việt
 và mời một số nhà đầu tư tham quan cơ sở vật chất của công ty.

IX Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

a. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP báo cáo tài chính hợp nhất

Số tham chiếu: 61000411/15735583 - HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") được trình bày từ trang 4 đến trang 33 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Nhóm Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên khác, phát hành báo cáo kiểm toán ngày 24 tháng 4 năm 2012, đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính hợp nhất có còn các sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc Nhóm Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.



Mai Việt Hùng
Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Mai Việt Hùng

Mai Việt Hùng Trần
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: D.0048/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2013

Hàng Nhật Quang

Hàng Nhật Quang
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: N.1772/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		352.854.260.107	240.887.120.565
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	43.083.964.747	70.262.011.371
111	1. Tiền		26.872.271.347	10.852.392.271
112	2. Các khoản tương đương tiền		16.211.693.400	59.409.619.100
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		415.000.000	407.499.999
121	1. Đầu tư ngắn hạn		415.000.000	715.374.879
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn		-	(307.874.880)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		100.388.748.148	67.586.955.043
131	1. Phải thu khách hàng		81.094.060.626	49.332.842.051
132	2. Trả trước cho người bán		16.012.087.596	16.361.241.383
135	3. Các khoản phải thu khác	5	4.254.194.187	2.737.086.846
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(971.594.261)	(844.215.237)
140	IV. Hàng tồn kho	6	195.713.847.104	98.349.810.096
141	1. Hàng tồn kho		196.845.863.967	101.100.039.686
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.132.016.863)	(2.750.229.590)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		13.252.700.108	4.280.844.056
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		968.676.758	1.207.736.351
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		616.892.470	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		730.797.257	228.152.349
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		10.936.333.623	2.844.955.356
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		71.162.721.847	74.694.176.208
220	I. Tài sản cố định		68.371.942.333	70.510.288.270
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	30.602.965.321	32.438.611.881
222	Nguyên giá		71.993.004.058	67.404.987.532
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(41.390.038.737)	(34.966.375.651)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8	37.755.713.376	38.071.676.389
228	Nguyên giá		40.924.453.793	40.908.703.793
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(3.168.740.417)	(2.837.027.404)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		13.263.636	-
260	II. Tài sản dài hạn khác		1.502.589.963	2.711.671.308
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.118.014.381	2.342.865.669
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	18.3	255.935.582	240.165.639
268	3. Tài sản dài hạn khác		128.640.000	128.640.000
269	III. Lợi thế thương mại	9	1.288.189.551	1.472.216.630
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		424.016.981.954	315.581.296.773

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		155.251.033.463	85.185.140.402
310	I. Nợ ngắn hạn		152.947.441.044	83.819.984.989
311	1. Vay ngắn hạn	10	12.526.000.000	971.000.000
312	2. Phải trả người bán		97.992.933.899	39.385.084.802
313	3. Người mua trả tiền trước		1.414.815.236	1.263.369.246
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	4.367.761.845	1.693.772.782
315	5. Phải trả người lao động		9.765.868.589	17.117.028.139
316	6. Chi phí phải trả		1.163.511.434	281.396.848
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	12	20.478.892.360	19.131.683.205
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.237.657.681	3.976.649.967
330	II. Nợ dài hạn		2.303.592.419	1.365.155.413
333	1. Phải trả dài hạn khác		904.442.733	318.262.673
334	2. Vay dài hạn	13	520.892.740	1.046.892.740
339	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		878.256.946	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	14	267.716.176.241	229.003.099.802
410	I. Vốn chủ sở hữu		267.716.176.241	229.003.099.802
411	1. Vốn cổ phần		149.923.670.000	149.923.670.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		8.035.794.412	6.565.250.880
414	3. Cổ phiếu quỹ		(332.671.640)	(5.162.961.108)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		58.025.771.881	48.553.145.647
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		15.976.217.258	12.818.685.180
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		36.087.394.330	16.305.309.203
439	C. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		1.049.772.250	1.393.056.569
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		424.016.981.954	315.581.296.773

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Nợ khó đòi đã xử lý (đồng Việt Nam)	316.726.772	72.240.760
2. Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (US\$)	4.583	3.840
- Euro (EUR)	702	700

Lê Quang Hồng
Người lập

Ngày 22 tháng 3 năm 2013

Lê Tôn Hùng
Kế toán trưởng

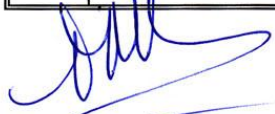


Hàng Phi Quang
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.1	492.693.334.868	408.214.806.288
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	15.1	(33.524.494.544)	(24.700.400.814)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.1	459.168.840.324	383.514.405.474
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	17	(310.379.214.425)	(239.344.543.870)
20	5. Lợi nhuận gộp		148.789.625.899	144.169.861.604
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	15.2	3.117.641.893	4.265.982.845
22	7. Chi phí tài chính	16	(1.017.542.676)	(2.251.590.978)
23	- Trong đó: chi phí lãi vay		(1.025.406.149)	(461.640.947)
24	8. Chi phí bán hàng	17	(37.132.873.505)	(38.033.155.834)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	(33.777.414.324)	(35.374.949.411)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		79.979.437.287	72.776.148.226
31	11. Thu nhập khác		481.432.109	75.112.646
32	12. Chi phí khác		(205.684.128)	(171.006.646)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác		275.747.981	(95.894.000)
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		80.255.185.268	72.680.254.226
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	18.2	(12.463.536.680)	(14.466.798.594)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	18.3	15.769.943	132.813.881
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		67.807.418.531	58.346.269.513
61	Trong đó:			
62	Lợi ích của các cổ đông thiểu số		(343.284.319)	(245.422.378)
	Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ		68.150.702.850	58.591.691.891
70	18. Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu		4.577	3.942



Lê Quang Hồng
Người lập



Lê Tôn Hùng
Kế toán trưởng





Hà Phi Quang
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2013

b. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP báo cáo tài chính riêng

Số tham chiếu: 61000411/15735583

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty") được trình bày từ trang 4 đến trang 32 bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính riêng vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên khác, phát hành báo cáo kiểm toán ngày 23 tháng 4 năm 2012, đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính riêng có còn các sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính riêng. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính riêng. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Tuy không đưa ra ý kiến chấp nhận từng phần, chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của các báo cáo tài chính riêng kèm theo, trong đó trình bày rằng Công ty là công ty mẹ có các công ty con và Công ty đang trong quá trình hoàn thành các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng nên đọc các báo cáo tài chính riêng này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.



Ernst & Young Vietnam Ltd.
Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Mai Viết Hùng Trần
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: D.0048/KTV

Hàng Nhật Quang
Hàng Nhật Quang
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: N.1772/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 3 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		349.093.301.439	237.567.240.277
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	42.747.476.738	69.611.820.642
111	1. Tiền		26.535.783.338	10.202.201.542
112	2. Các khoản tương đương tiền		16.211.693.400	59.409.619.100
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	1.208.626.000	2.407.499.999
121	1. Đầu tư ngắn hạn		2.091.272.300	2.715.374.879
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn		(882.646.300)	(307.874.880)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		98.826.994.837	70.642.801.390
131	1. Phải thu khách hàng	6	79.309.430.039	51.931.932.823
132	2. Trả trước cho người bán	7	15.799.587.596	16.606.741.383
135	3. Các khoản phải thu khác	8	4.594.968.913	2.928.852.421
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(876.991.711)	(824.725.237)
140	IV. Hàng tồn kho	9	193.452.632.826	91.299.141.659
141	1. Hàng tồn kho		194.541.133.290	94.020.160.922
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.088.500.464)	(2.721.019.263)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12.857.571.038	3.605.976.587
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		968.676.758	1.197.694.508
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		616.892.470	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		705.655.631	203.010.723
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		10.566.346.179	2.205.271.356
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		69.878.741.008	73.679.960.371
220	I. Tài sản cố định		66.006.927.580	67.465.409.676
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	28.239.409.516	29.399.569.145
222	Nguyên giá		65.678.850.412	60.860.721.583
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(37.439.440.896)	(31.461.152.438)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	37.754.254.428	38.065.840.531
228	Nguyên giá		40.913.949.233	40.898.199.233
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(3.159.694.805)	(2.832.358.702)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		13.263.636	-
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	2.662.139.112	4.175.327.189
251	1. Đầu tư vào công ty con		7.549.764.000	7.549.764.000
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(4.887.624.888)	(3.374.436.811)
260	III. Tài sản dài hạn khác		1.209.674.316	2.039.223.506
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.012.900.966	2.039.223.506
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	21.3	196.773.350	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		418.972.042.447	311.247.200.648

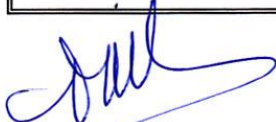
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		152.784.779.870	82.827.925.321
310	I. Nợ ngắn hạn		150.598.536.783	81.462.769.908
311	1. Vay ngắn hạn	13	12.526.000.000	971.000.000
312	2. Phải trả người bán		97.439.219.293	37.647.861.632
313	3. Người mua trả tiền trước		1.271.375.236	1.215.182.746
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	4.029.095.021	1.565.781.848
315	5. Phải trả người lao động		9.735.368.589	16.899.647.105
316	6. Chi phí phải trả		5.273.934	47.457.847
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	20.366.272.429	19.114.904.163
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.225.932.281	4.000.934.567
330	II. Nợ dài hạn		2.186.243.087	1.365.155.413
333	1. Phải trả dài hạn khác		787.093.401	318.262.673
334	2. Vay dài hạn	16	520.892.740	1.046.892.740
339	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		878.256.946	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	17	266.187.262.577	228.419.275.327
410	I. Vốn chủ sở hữu		266.187.262.577	228.419.275.327
411	1. Vốn cổ phần		149.923.670.000	149.923.670.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		8.035.794.412	6.565.250.880
414	3. Cổ phiếu quỹ		(332.671.640)	(5.162.961.108)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		58.025.771.881	48.553.145.647
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		15.981.814.113	12.824.282.035
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		34.552.883.811	15.715.887.873
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		418.972.042.447	311.247.200.648

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Nợ khó đòi đã xử lý (đồng Việt Nam)	287.509.784	72.240.760
2. Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (US\$)	4.583	3.430
- Euro (EUR)	702	700



Lê Quang Hồng
Người lập



Lê Tôn Hùng
Kế toán trưởng



Hàng Phi Quang
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	479.486.183.325	402.833.097.990
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	(33.487.453.222)	(23.840.127.814)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	445.998.730.103	378.992.970.176
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	(300.942.014.717)	(236.194.766.290)
20	5. Lợi nhuận gộp		145.056.715.386	142.798.203.886
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	3.351.460.795	4.535.442.939
22	7. Chi phí tài chính	19	(3.413.377.053)	(5.624.260.017)
23	- Trong đó: chi phí lãi vay		(1.025.406.149)	(461.640.967)
24	8. Chi phí bán hàng	20	(34.029.458.972)	(36.550.580.319)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(31.613.296.308)	(33.084.623.848)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		79.352.043.848	72.074.182.641
31	11. Thu nhập khác		162.463.927	38.262.000
32	12. Chi phí khác		(42.130.784)	(114.075.970)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác		120.333.143	(75.813.970)
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		79.472.376.991	71.998.368.671
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.2	(12.463.536.680)	(14.466.798.594)
52	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	21.3	196.773.350	(63.267.064)
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		67.205.613.661	57.468.303.013



Lê Quang Hồng
Người lập



Lê Tôn Hùng
Kế toán trưởng



Hàng Phi Quang
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2013

